

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2016**



GARMEX
Saigon js
HoSE: **GMC**

***SỰ LỰA CHỌN ĐÁNG TIN CẬY
CỦA NHÀ ĐẦU TƯ***

MỤC LỤC

Phần I THÔNG TIN CHUNG

06 Thông tin khái quát

06 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

8 Quá trình hình thành và phát triển

12 Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

12 Định hướng phát triển

14 Các yếu tố rủi ro

Phần II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

22 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

26 Tổ chức và nhân sự

28 Tình hình kinh doanh tại các công ty con

30 Tình hình tài chính

32 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

36 Phát triển bền vững





MEX

on js

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	Phần III
Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	48
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	60
QUẢN TRỊ CÔNG TY	Phần IV
Hội đồng quản trị	74
Ban kiểm soát	80
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS	82
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	Phần V
Ý kiến kiểm toán	82
Báo cáo tài chính được kiểm toán	84



01 THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ
BỘ MÁY QUẢN LÝ
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÁC RỦI RO

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

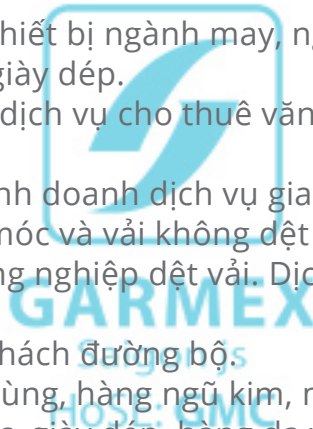
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300742387
- Vốn điều lệ: 155.556.200.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 155.556.200.000 đồng
- Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Q. Gò Vấp, TP.HCM
- Số điện thoại: (08) 3984 4822
- Số fax: (08) 3984 4746
- Website: www.garmexsaigon-gmc.com
- Mã cổ phiếu: GMC



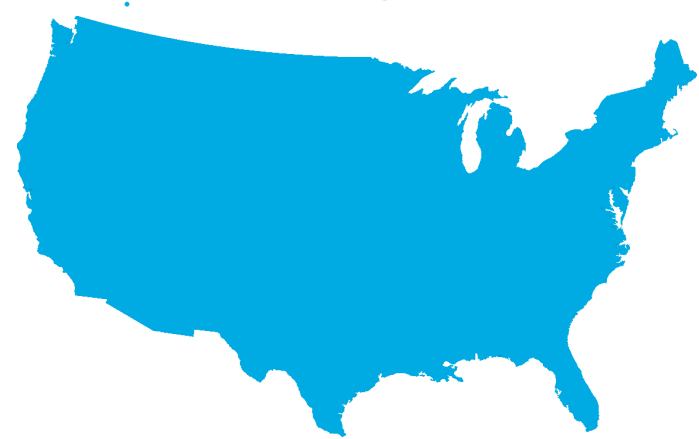
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- May trang phục, trừ trang phục từ da và lông thú, sản phẩm chính là quần áo may sẵn các loại.
- Môi giới thương mại.
- Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị ngành may, nguyên phụ liệu phục vụ ngành may.
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.
- Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng. Kinh doanh nhà. Cho thuê nhà xưởng.
- Tư vấn quản lý kinh doanh. Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu.
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: Công nghiệp dệt vải. Dịch vụ giặt, tẩy (Không hoạt động tại trụ sở).
- Dịch vụ vận tải, vận tải hành khách đường bộ.
- Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.





ĐỊA BÀN KINH DOANH



Hoa kỳ



Châu Âu



Nhật Bản

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu. Một số khách hàng lớn của Công ty bao gồm: Columbia Sportswear (Mỹ), Decathlon (Pháp).

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



THAY ĐỔI ĐỂ THÀNH CÔNG TRƯỚC VẬN HỘI MỚI

2016- Tăng vốn điều lệ lên 155.556.200.000 đồng thông qua hình thức phát hành thêm cổ phiếu. Garmex Saigon hiện đang quản lý Xí nghiệp An Phú (TP Hồ Chí Minh), Xí nghiệp An Nhơn (TP Hồ Chí Minh), Công ty May Tân Mỹ (Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu), Công Ty TNHH May Sài Gòn Xanh. Tổng số lao động hiện nay của toàn hệ thống Garmex Saigon lên đến hơn 4.000 người. Trong năm, Công ty đầu tư mới tại Xí nghiệp may An Phú, tăng thêm 2 chuyền may, nâng năng lực sản xuất của Xí nghiệp lên thành 20 chuyền may; Xí nghiệp may Hà Lam (trực thuộc Công Ty TNHH May Sài Gòn Xanh) được đầu tư tăng thêm 2 chuyền may, nâng năng lực sản xuất của Xí nghiệp lên thành 10 chuyền may.

CÔNG TY TNHH MAY SÀI GÒN XANH

Địa chỉ: 332 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ thực góp: 86 tỷ đồng

Tỷ lệ vốn góp của GMC: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, phân phối, phục, sản xuất vải dệt thoi, bán buôn, bán lẻ quần áo, giày dép, túi xách, mũ, phụ kiện, thiết bị và phụ tùng may, buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

Xí nghiệp may Hà Lam: Diện tích: 10.000m², Năng lực: 10 chuyền. Thị trường: Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, khách hàng chủ yếu: Columbia (Mỹ), Perry Ellis (Mỹ).

Công ty kinh doanh hàng dệt may: Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh (Blue Saigon L.L.C) - Công ty con của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Saigon (Garmex Saigon JS)



HÌNH THÀNH

1976 - Một năm sau ngày đất nước thống nhất, Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Saigon (Garmex Saigon js) được thành lập, khởi đầu là một doanh nghiệp quốc doanh. Lúc đầu Công ty được gọi là Liên hiệp Các Xí nghiệp May Thành phố Hồ Chí Minh, đơn vị chủ quản quản lý một số lượng khá lớn các xí nghiệp may xuất khẩu ở Thành phố Hồ Chí Minh.



CỔ PHẦN HÓA

2004 - Garmex Saigon tiến hành cổ phần hóa. Cho đến thời điểm này, Garmex Saigon đang hoạt động với 3 Xí nghiệp trực thuộc gồm Xí nghiệp May An Nhơn, Xí nghiệp May An Phú, Xí nghiệp May Bình Tiên. Trụ sở chính của Công ty đặt tại 236/7 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam



NIÊM YẾT

2006 - Năm 2006, Garmex Saigon niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) với mã số chứng khoán là GMC. Trụ sở chính của Công ty vẫn đặt tại 236/7 (nay đổi lại là 252) Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

1976 - 2009

2004

2006

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

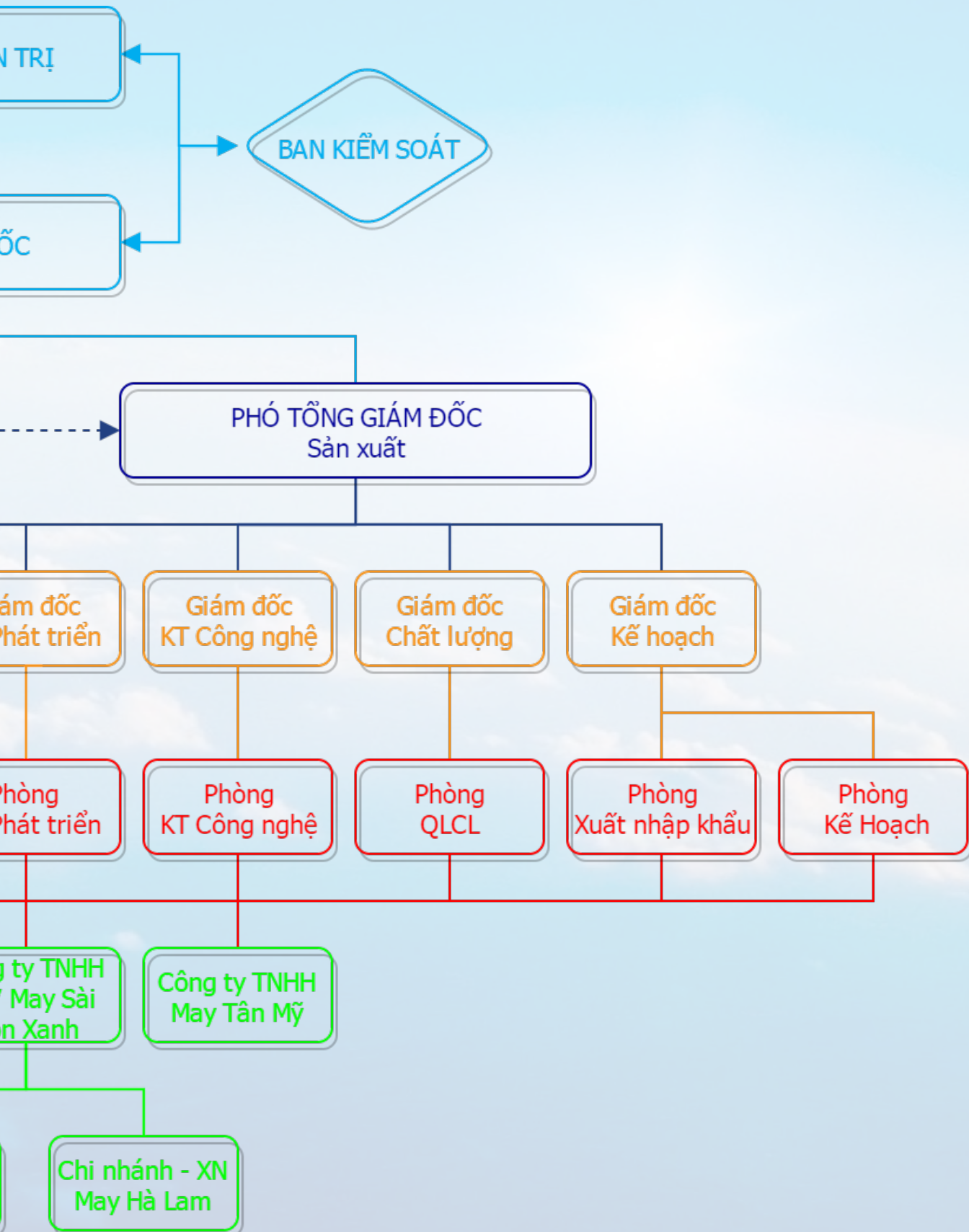
BAN ĐIỀU HÀNH

Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao

BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Với dự báo ngành may Việt Nam khó tăng trưởng, sản phẩm đơn giản dần chuyển dịch sang các nước khu vực, thị trường Châu Âu tiếp tục bất ổn. GMC đã đề ra các định hướng như sau:

1. Tập trung chủ yếu vào thị trường xuất khẩu, do tình hình và khả năng cạnh tranh của thị trường nội địa có nhiều khó khăn và rào cản;
2. Tìm kiếm khai thác các thị trường mới nhiều tiềm năng như Nga để bù đắp cho sự thiếu hụt cho thị trường Châu Âu;
3. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu sản xuất kinh doanh theo hướng công nghệ cao, hướng đến các sản phẩm chất lượng có mẫu mã phức tạp để tăng tính cạnh tranh;
4. Triển khai cung cấp các sản phẩm dịch vụ về tư vấn các quy trình nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận ngoài hướng sản xuất kinh doanh chính là gia công và mua bán;
5. Quan tâm, chú ý hơn về quản trị các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh như rủi ro tỷ giá, lãi suất do tình hình có nhiều biến động.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẾN NĂM 2018

1. Phần đầu đạt lợi nhuận trước thuế **100 tỷ đồng** vào năm 2018
2. Thu nhập bình quân người lao động: từ 8 triệu đồng đến 10 triệu đồng/người/tháng.
3. Cổ tức duy trì mức **20% đến 30%** Vốn điều lệ mỗi năm.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT

Nâng cao năng lực sản xuất dựa trên cơ sở tối ưu hóa nguồn lực Công ty với quan điểm: “Đầu tư chiều sâu, giảm thâm dụng lao động”, chuyển đổi chiến lược sản phẩm phù hợp với điều kiện và kĩ năng từng vùng.

Về Sản phẩm, tập trung phát triển sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao, phức tạp để gia tăng lợi thế cạnh tranh. Bên cạnh chủ trương “đa phương hóa thị trường, đa dạng hóa sản phẩm” để giảm thiểu rủi ro “mùa vụ” khi tăng năng lực sản xuất, đồng thời gia tăng biên lợi nhuận gộp và nâng cao lợi thế cạnh tranh.

Về cơ cấu Doanh thu sản xuất đạt 70 - 75% và Dịch vụ thương mại đạt 25%-30% vào năm 2018.

DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

Phát triển năng lực gián tiếp (nhà thầu phụ), Xây dựng và phát triển hệ thống khách hàng ở Mỹ, châu Âu, Nga, AEC từ hệ thống phân phối hiện có và các thương hiệu khác thông qua các hình thức như M&A, thuê hợp tác, tự đầu tư.

Phát triển chuỗi “thiết kế - sản xuất - phân phối”, tạo tiền đề phát triển phương thức OBM, phát triển dịch vụ đáp ứng nhu cầu FOB trên cơ sở lợi thế, kinh nghiệm Công ty.



PHÁP LÝ

Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các yêu cầu của các bộ luật Lao động, luật Doanh nghiệp và các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan

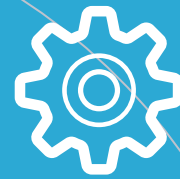
VĂN HÓA

Thực hiện văn hóa doanh nghiệp theo 4T "Tin cậy, Thăng Tiến, Tăng trưởng, Truyền thống"



SẢN PHẨM

Garmex luôn nỗ lực cung cấp sản phẩm với chất lượng tốt nhất, không ngừng hoàn thiện và phát triển sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của khách hàng



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đối với môi trường

Công tác bảo vệ môi trường là một trong những yếu tố mà Garmex Sài Gòn rất quan tâm. Việc đầu tư bảo vệ môi trường không những giúp Garmex thể hiện được sự quan tâm đến cộng đồng, con người mà còn giúp Công ty duy trì được sự phát triển trong dài hạn và bền vững. Chính vì vậy, Garmex Sài Gòn đã có nhiều hoạt động cụ thể đóng góp tích cực nhằm cải thiện môi trường làm việc, xây dựng mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường, an toàn và thoải mái cho người lao động

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Tiền thân là Liên hiệp Xí nghiệp May TP. HCM thành lập năm 1976, sau hơn 40 năm phát triển, sự nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo Công ty và tập thể Cán bộ Công nhân viên đã gặt hái được thành công to lớn, với định hướng chiến lược phát triển cụ thể hợp lý, cùng bộ máy nhân sự vững mạnh, Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại May Sài Gòn luôn chủ động đưa ra các giải pháp chính sách phòng ngừa rủi ro xuyên suốt quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Những rủi ro đó bao gồm:

RỦI RO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Trong năm 2016, Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển suy giảm tốc độ tăng trưởng do giá hàng hóa thế giới giảm. Nguyên nhân quan trọng là do sự chuyển đổi tỷ trọng nền kinh tế Trung Quốc từ nền kinh tế định hướng xuất khẩu và đầu tư sang nền kinh tế phụ thuộc lớn hơn vào chi tiêu tiêu dùng, dẫn đến suy giảm nhu cầu hàng hóa phục vụ đầu tư và hàng hóa trung gian. Bên cạnh đó, các nền kinh tế phát triển suy giảm năng suất do các vấn đề địa chính trị, già hóa dân số và dư địa của cuộc khủng hoảng toàn tài chính toàn cầu năm 2008. Những vấn đề này khiến cho ảnh hưởng của thương mại đối với tăng trưởng có chiều hướng giảm.

Tăng trưởng chung của kinh tế thế giới chậm lại, ước ở mức 3,1% và giảm 0,1% so với năm 2015. Xu hướng giảm tốc tiếp tục thể hiện ở tăng trưởng thương mại toàn cầu, xuống mức chỉ còn 2,3%. Ngành hàng tiêu dùng như dệt may là một trong những ngành chịu ảnh hưởng khá lớn từ tăng trưởng của nền kinh tế bởi nhu cầu mặt hàng may mặc phụ thuộc khá lớn vào thu nhập của người tiêu dùng. Với xu hướng giảm tốc của nền kinh tế thế giới nhu cầu của người tiêu dùng cũng vì vậy mà suy giảm theo.

Năm 2017, kinh tế thế giới được dự báo cải thiện so với năm 2016 nhờ giá hàng hóa phục hồi. Giá dầu WTI được Cơ quan năng lượng Hoa Kỳ (EIA) dự báo sẽ giao động ở mức 50,66 USD/thùng trong năm 2017, cao hơn mức 43,07 USD/thùng của năm 2016.

Ngân hàng thế giới (WB) dự báo giá hàng hóa phi năng lượng sẽ tăng 2% trong năm 2017. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) (WEO, 10/2016) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2017 ở mức 3,4% (so với 3,1% năm 2016), tăng trưởng thương mại toàn cầu ở mức 3,8% (so với 2,3% năm 2016).

Tuy nhiên, kinh tế thế giới sẽ đối mặt với nhiều yếu tố bất định trong năm 2017:

Chủ nghĩa dân túy bùng phát tại Hoa Kỳ và các quốc gia trong khu vực Eurozone;

Rủi ro từ hệ thống tín dụng của Trung Quốc và hệ thống Ngân hàng Trung ương Châu Âu; Các quốc gia có nền kinh tế đã phát triển rơi vào bẫy lạm phát thấp;

Bất ổn chính trị và xung đột vũ trang tại khu vực Trung Đông và Đông Á.

Tuy đi theo định hướng phát triển ra thế giới, thế nhưng những biến động khó lường của nền kinh tế Việt Nam vẫn còn là rủi ro tác động không nhỏ đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Năm bắt được những khó khăn này, Công ty luôn liên tục theo dõi tình hình kinh tế trong và ngoài nước, các thị trường trên thế giới để đưa ra những kế hoạch hoạt động một cách hợp lý, kịp thời để hạn chế tác động tiêu cực do tình hình kinh tế gây ra.

RỦI RO TỶ GIÁ

Thị trường ngoại hối đã chứng kiến đợt biến động mạnh vào cuối năm 2016 khi chịu sức ép từ sự phá giá của các đồng ngoại tệ trong khu vực, lộ trình điều chỉnh chính sách tiền tệ của FED và kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ. Diễn biến tỷ giá có xu hướng đón đầu trước các kì vọng chính sách của các nền kinh tế lớn, đặc biệt là Mỹ. Do vậy đồng Việt Nam đã giảm giá khoảng 1,1% đến 1,2% so với đồng Đô la Mỹ so với thời điểm đầu năm 2016. Biến động tỷ giá khó lường trong năm 2017 sẽ gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp dệt may. Với một doanh nghiệp định hướng lấy hoạt động xuất khẩu là chủ đạo, lại phải nhập khẩu nguyên liệu sản xuất từ nước ngoài thì sự ổn định của tỷ giá là một yếu tố tối quan trọng đối với kết quả hoạt động kinh doanh. Mặc khác, đồng USD mạnh là một trong những nguyên nhân dẫn đến lãi suất USD tăng, ảnh hưởng đến chi phí tài chính của GMC do Công ty đang sử dụng các dịch vụ tín dụng liên quan đến đồng USD như LC, thanh toán bằng Tradecard.... Sự mạnh lên của đồng USD còn ảnh hưởng tiêu cực đến sức mua của người tiêu dùng ở Mỹ, khu vực EU - là những đối tượng khách hàng của các đơn hàng do GMC thực hiện. Do vậy, Công ty đã và đang xây dựng cho mình chính sách quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách dự báo tỷ giá ngoại tệ để tối ưu hóa thời hạn thanh toán cũng như cơ cấu lại các khoản

nợ. Bên cạnh đó, GMC cũng đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, tạo doanh thu bằng USD để bù đắp nhu cầu USD cho hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu, thường xuyên căn cứ vào tình hình thị trường để dự đoán biến động tỷ giá nhằm có những chính sách phù hợp để giảm thiểu rủi ro.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Gamex Saigon chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan; bên cạnh đó, với tư cách là một doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, do vậy Gamex Saigon cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này.

Khi nền kinh tế Việt Nam đã bắt đầu hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, cơ hội đối với ngành dệt may cũng đi kèm với thách thức không hề nhỏ. Do vậy, để đảm bảo nắm bắt cơ hội trong thời gian tới, Công ty cần có sự nghiên cứu và chuẩn bị thật kỹ lưỡng các vấn đề luật pháp quốc tế để hoạt động kinh doanh của Công ty đạt được hiệu quả cao nhất.



RỦI RO KHÁC

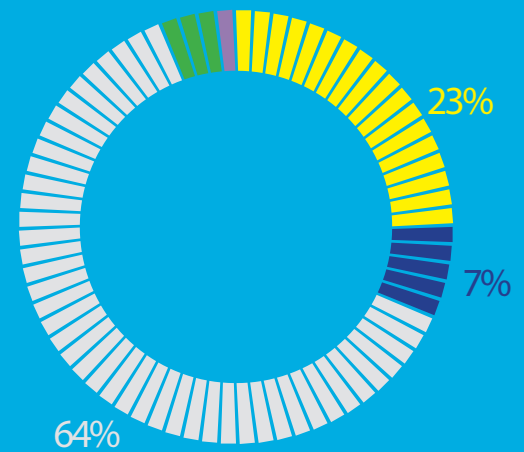
Ngoài các rủi ro nêu trên thì các rủi ro khách quan bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, v.v... nếu xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản của Công ty cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro hiếm gặp trong thực tế, nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

Mặc dù được xác định là những rủi ro không thể loại trừ nhưng vẫn có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng ngừa như phòng cháy chữa cháy, v.v... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hoá và tài sản của Công ty.



RỦI RO NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Trong năm 2016, Việt Nam nhập khẩu vải nguyên liệu có giá trị tương đương 8,6 tỷ đô la từ bảy quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, nhập khẩu từ Trung quốc chiếm đến hơn 63% giá trị. 4%



Nguyên liệu nhập khẩu từ Hàn Quốc



Nguyên liệu nhập khẩu từ Nhật Bản



Nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc



Nguyên liệu nhập khẩu từ ASEAN



Nguyên liệu nhập khẩu từ nước khác

Ngành dệt may nói chung, GMC nói riêng đều đang chịu ảnh hưởng bởi việc thiếu hụt nguồn nguyên liệu đầu vào. Với GMC, trung bình hàng năm, chi phí nguyên liệu đầu vào chiếm khoảng 60% tổng chi phí sản xuất kinh doanh và 70% giá vốn hàng bán. Do đó, sự thay đổi về giá cả nguyên liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng lớn đến biên lợi nhuận gộp của Công ty. Hơn thế nữa, nguồn nguyên liệu của GMC phụ thuộc rất nhiều nhập khẩu.

Là một doanh nghiệp uy tín, GMC đã có nhiều biện pháp tích cực nhằm chủ động hơn đối với nguồn nguyên liệu cũng như duy trì quan hệ với nhiều nhà cung cấp trong ngành, tìm kiếm các nhà cung cấp tốt hơn để hạn chế rủi ro từ nhà cung cấp và tìm được nguồn cung ứng nguyên liệu tốt hơn, tạo lợi thế cạnh tranh bằng việc đàm phán với nhà cung cấp, xây dựng hệ thống nhà thầu phụ cung ứng tốt.



02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG NĂM

Trong năm 2016, Công ty không có những khoản doanh thu hoạt động tài chính bất thường như năm 2015, nên hoạt động này giảm gần 55% và đạt 9,7 tỷ đồng. Sự suy giảm trong doanh thu hoạt động tài chính là một trong những yếu tố chính gây ra sự suy giảm trong lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên sự suy giảm này hoàn toàn nằm trong kế hoạch dự kiến của công ty (do không còn khoản thu hợp tác từ việc khám chữa bệnh) nếu xem xét kỹ, doanh thu từ hoạt động tài chính chỉ mang tính chất tạm thời, không xuất phát từ cốt lõi của doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty vẫn rất tốt – thể hiện ở doanh thu thuần tăng trưởng nhiều so với kế hoạch mục tiêu đề ra.

Doanh thu thuần và giá vốn hàng bán có mức tăng trưởng tương đương, tuy nhiên nhờ áp dụng quy trình sản xuất LEAN 5S nên mức tăng của chi phí giá vốn có phần thấp hơn, giúp gia tăng lợi nhuận của Công ty.

Trong năm 2016, Công ty không có những khoản doanh thu hoạt động tài chính bất thường như năm 2015, giảm gần 55% và đạt 9,7 tỷ đồng. Sự suy giảm trong doanh thu hoạt động tài chính là một trong những yếu tố chính gây ra sự suy giảm trong lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên sự suy giảm này hoàn toàn nằm trong kế hoạch dự kiến của công ty (do không còn khoản thu hợp tác từ việc khám chữa bệnh) nếu xem xét kỹ, doanh thu từ hoạt động tài chính chỉ mang tính chất tạm thời, không xuất phát từ cốt lõi của doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty vẫn rất tốt – thể hiện ở doanh thu thuần tăng trưởng nhiều so với kế hoạch mục tiêu đề ra.



STT	Chỉ tiêu	2015	2016	Tăng/Giảm 2016
1	Doanh thu thuần	1.502.065	1.611.379	7,28%
2	Giá vốn hàng bán	1.249.641	1.336.254	6,93%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	21.563	9.722	-54,91%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	196.271	213.886	8,97%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	77.716	70.961	-8,70%
6	Lợi nhuận khác	4.441	4.736	6,64%
7	Lợi nhuận trước thuế	82.157	75.697	-7,86%
8	Lợi nhuận sau thuế	60.130	60.986	1,42%
9	EPS	4.320	5.146	19,12%



Tuy trong giai đoạn cuối năm 2016 công ty có phát hành thêm cổ phiếu nhưng chốt năm 2016 EPS của công ty đạt 5.146 đồng/ cổ phiếu, tăng 19,12% so với năm 2015 chứng tỏ hoạt động kinh doanh của công ty có tính ổn định và hiệu quả.

Tổng kết hoạt động kinh doanh Garmex Saigon thực hiện trong năm 2016, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đang tiến triển rất thuận lợi, doanh thu và lợi nhuận đều tăng trưởng so với mặt bằng chung của ngành dệt may Việt Nam. Nếu loại bỏ những yếu tố lợi nhuận không thường xuyên và yếu tố pha loãng cổ phiếu, hoạt động của Garmex Saigon trong năm 2016 được đánh giá là xuất sắc vượt mong đợi của Ban lãnh đạo Công ty

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2016	Thực hiện/ Kế hoạch
1	Doanh thu thuần	1.611.379	1.550.000	103,96%
2	Lợi nhuận trước thuế	75.697	60.000	126,16%
3	Chi trả cổ tức	30%	20% - 30%	ĐẠT

Đánh giá căn cứ theo kế hoạch đề ra tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016, Garmex Saigon đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế khi vượt đến 26,2%, chỉ tiêu doanh thu thuần tăng gần 4% trong năm 2016. Hội đồng quản trị cũng đã tiến hành tạm ứng cổ tức cho Cổ đông Công ty 15% trong năm và dự kiến sẽ tiếp tục chi trả 15% còn lại trong thời gian đầu năm 2017.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	4.178	100,00%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	146	3,49%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	205	4,91%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	26	0,62%
4	THCS- PTTH	3.801	90,98%
II	Theo hợp đồng lao động	4.178	100,00%
1	Toàn thời gian	4178	100,00%
2	Bán thời gian	0	0,00%
III	Theo giới tính	4178	100,00%
1	Nam	995	23,82%
2	Nữ	3183	76,18%
Tổng cộng		4.178	100,00%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Những thay đổi trong ban điều hành

- Ngày 12/8/2016, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã ra quyết định số 26/QĐ-HĐQT bổ nhiệm Bà Lê Thị Phương Thảo làm Phó Tổng Giám Đốc Kế Hoạch - Kinh Doanh, thời gian giữ chức vụ từ ngày 12/08/2016 đến hết nhiệm kỳ III (2014-2018) của HĐQT Công ty Cổ Phần SX-TM May Sài Gòn.
- Ngày 26/09/2016, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã ra quyết định số 29/QĐ-HĐQT thông qua việc nghỉ chế độ của bà Đỗ Thị Kim Nhàn từ ngày 01/10/2016.



ÔNG NGUYỄN ÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1953

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế Công nghiệp

Quá trình công tác:

Từ 8/1972 – 3/1975 Hoạt động phong trào đô thị thuộc Đoàn ủy Khu Sài Gòn

– Gia Định

Từ 3/1975 – 4/1975 Tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh – thuộc Chi đoàn B3

K42 liên Quận 4, Khu Sài Gòn – Gia Định

Từ 5/1975 – 2/1976 Bí thư Đoàn Phường 5, Quận Bình Hòa và Bí thư phường Đoàn Phường 11, Quận Bình Thạnh

Từ 3/1976 – 10/1978 Học viên trường cán bộ Trung ương Đoàn, Hà Nội

Từ 11/1978 – 4/1981 Phó Bí thư Quận đoàn Quận 8 kiêm Bí thư chi bộ Quận đoàn 8

Từ 5/1981 – 1/1986 Phó Ban khu phố Tiểu thủ Công nghiệp Thành đoàn, Phó ban thanh niên Công nhân Thành đoàn, Bí thư Chi Bộ - Đảng ủy viên Đảng ủy cơ quan Thành đoàn Tp.HCM.

Từ 1/1987 – 4/1993 Phó phòng Kế hoạch – Vật tư, Trưởng phòng XNK Liên hiệp May Thành phố

Từ 5/1993 – 11/1995 Giám đốc Xí nghiệp May Liên doanh An Nhơn - Đảng ủy viên Đảng bộ công ty.

Từ 12/1995 – 5/1997 Phó Giám đốc Xí nghiệp May Garmex 2

Từ 6/1997 – 12/1997 Quyền Giám đốc Garmex 2

Từ 1/1998 – 8/1999 Giám đốc Xí nghiệp Garmex 2

Từ 9/1999 – 12/2003 Phó Giám đốc Công ty Sản xuất – XNK May Sài Gòn kiêm Giám đốc Xí nghiệp Garmex 2 - Đảng ủy viên, Bí thư Chi Bộ XN.

Từ 1/2004 – 2/2007 Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn kiêm Giám đốc Xí nghiệp May An Nhơn

Từ 3/2007 – 3/2015 Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn

Từ 3/2015 - đến nay Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ

Cá nhân sở hữu: 384.530 cổ phần, chiếm 2,47% Vốn điều lệ

Sở hữu ở Công ty khác: Không



BÀ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Ngành Quản trị

Quá trình công tác:

Từ 1/1987 – 7/1987 Công nhân may Xí nghiệp May Sài Gòn 1

Từ 8/1987 – 3/1993 Bí thư Đoàn TN chuyên trách XN May Sài Gòn 1 kiêm Phó Bí thư Đoàn TN Công ty SX – XNK May Sài Gòn

Từ 4/1993 – 4/2000 Bí thư Đoàn TN kiêm Phó Quản đốc Xí nghiệp May Garmex 1

Từ 5/2000 – 3/2002 Phó Phòng TCHC Xí nghiệp May Garmex 1

Từ 3/2002 – 12/2003 Trưởng Phòng TCHC Xí nghiệp Garmex 1

Từ 1/2004 – 4/2009 Trưởng Phòng TCHC Xí nghiệp May An Nhơn.

Từ 5/2009 – 5/2010 Ủy viên thường vụ Đảng ủy, Phó

Chủ Tịch Công Đoàn Công Ty, Thành Viên HĐQT, Phó Tổng Giám Công ty cổ phần SX – TM May Sài Gòn.

Từ 6/2010 – nay Bí Thư Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần SX – TM May Sài Gòn

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ

Cá nhân sở hữu: 29.610 cổ phần, chiếm 0,19% Vốn điều lệ

Sở hữu ở Công ty khác: Không



BÀ NGUYỄN THỊ MINH HẰNG
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 01/1999 – 01/2004 Nhân viên Kế toán Công ty SX – XNK May Sài Gòn

Từ 01/2004 – 12/2006 Nhân viên Kế toán Công ty cổ phần SX – TM May Sài Gòn

Từ 01/2007 – 02/2008 Phó phòng Kế toán thống kê Công ty cổ phần SX – TM May Sài Gòn

Từ 03/2008 – 06/2009 Trưởng phòng Kế toán thống kê Công ty

Từ 7/2009 - 16/06/2014 Kế Toán Trưởng Công Ty Cổ Phần Sản Xuất – Thương Mại May Sài Gòn.

Từ 17/06/2014 - 03/2015 Giám đốc Tài chính kiêm Kế Toán Trưởng Công ty cổ phần SX – TM May Sài Gòn.

Từ 03/2015 - đến nay Đảng ủy viên, Giám đốc Tài chính kiêm Kế Toán Trưởng Công ty cổ phần SX – TM May Sài Gòn

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ

Cá nhân sở hữu: 16,070 cổ phần, chiếm 1% Vốn điều lệ

Sở hữu ở Công ty khác: không

TÌNH HÌNH KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON



CÔNG TY TNHH MAY TÂN MỸ

Địa chỉ: Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu

Vốn điều lệ thực góp: 15 tỷ đồng

Tỷ lệ vốn góp của GMC: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất các loại hàng dệt kim và dệt thoi.

Thị trường chủ yếu: Hoa Kỳ, Châu Âu, Úc

Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Orvis (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ) Decathlon (Pháp), New Wave (Thụy Điển), Kathmandu (Úc)

Quy mô: 50.000 m²

Năng lực: 17 chuyền may (dự kiến đầu tư tăng lên 40 chuyền may)



CÔNG TY TNHH MAY SÀI GÒN XANH

Địa chỉ: 332 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ thực góp: 86 tỷ đồng

Tỷ lệ vốn góp của GMC: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: May trang phục, sản xuất vải dệt thoi, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc, bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép

Xí nghiệp may Hà Lam: Diện tích 27.000 m², năng lực: 10 chuyền. Thị trường chủ yếu: Mỹ, khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Perry Ellis (Mỹ).

Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa kỳ (Blue Saigon L.L.C) - Công ty con 100% vốn



Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2016 so với 2015
Tổng tài sản	Triệu Đồng	57.571	48.081	83,52%
Tổng doanh thu	Triệu Đồng	171.724	145.930	84,98%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu Đồng	2.783	6.283	225,75%
Biên LNST	%	1,62%	4,31%	265,66%

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2016 so với 2015
Tổng tài sản	Triệu Đồng	88.789	172.430	194,20%
Tổng doanh thu	Triệu Đồng	101.291	152.879	150,93%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu Đồng	(6.792)	(1.748)	25,74%
Biên LNST	%	(6,71%)	(1,14%)	17,05%



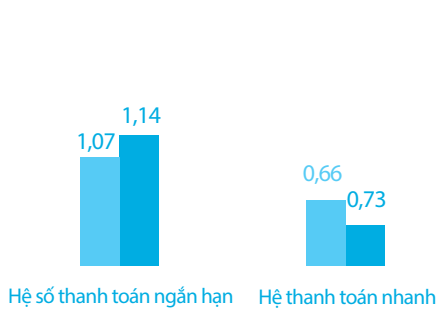
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TRONG NĂM 2016

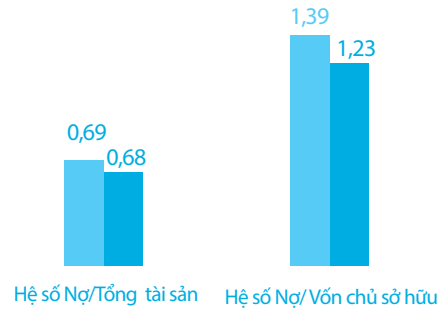
STT	Chỉ tiêu	2015	2016	Tăng / giảm 2016
1	Tổng tài sản	836.543	883.468	5,61%
2	Doanh thu thuần	1.502.065	1.611.379	7,28%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	77.716	70.961	(8,69%)
4	Lợi nhuận khác	4.441	4.736	6,64%
5	Lợi nhuận trước thuế	82.157	75.697	(7,86%)
6	Lợi nhuận sau thuế	60.130	60.986	1,42%



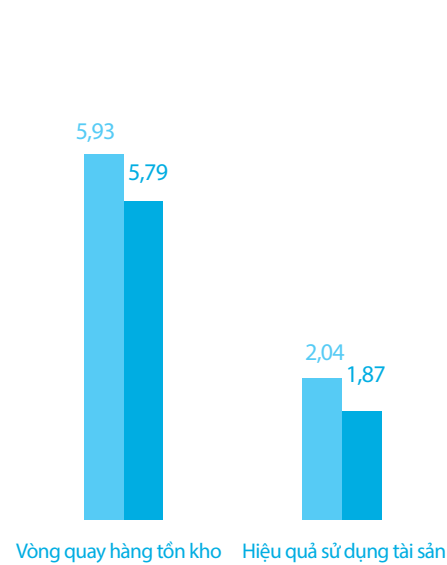
Khoản thu hợp tác từ việc khám chữa bệnh (hoạt động chỉ mang tính tạm thời không mang tính cốt lõi) là yếu tố chính làm doanh thu từ hoạt động tài chính gây ra sự suy giảm trong lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Mặt khác trong năm công ty có đầu tư thêm máy móc thiết bị nâng cao năng suất nên tình hình tài chính giữa hai năm 2015, 2016 có sự khác biệt cơ bản như sau: doanh thu thuần tăng 7,28% so với năm trước nhưng lợi nhuận trước thuế lại suy giảm 7,86%.



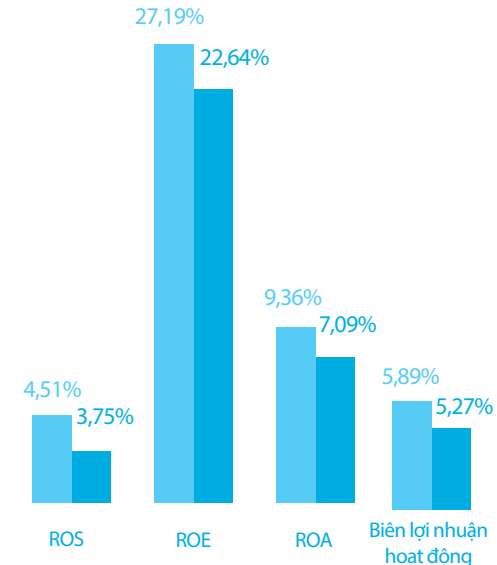
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



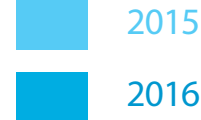
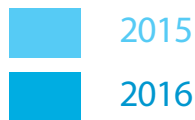
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Nhìn chung được cải thiện qua các năm, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng liên tục trong 3 năm trở lại đây, đến năm 2016 đã đạt mức 1,14 lần, tăng 0,07 vòng so với năm trước. Tương tự, hệ số thanh toán nhanh liên tục tăng và chạm mức 0,73 vòng trong năm 2016. Với hệ số thanh toán như thể hiện ở thời điểm hiện tại, Công ty có thể dễ dàng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của mình.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Cho thấy tình hình nợ của Công ty có xu hướng giảm so với năm 2015. Cụ thể khoản nợ trên tổng tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu giảm 1,45% và 11,27% so với cùng kỳ

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

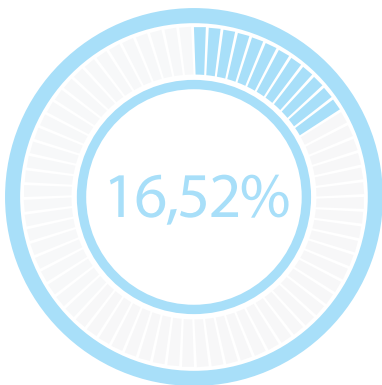
Nhìn chung giảm so với năm 2015, một mặt là do không có đột biến về lợi nhuận như năm 2015, một mặt do doanh thu tăng trưởng doanh thu chậm hơn tăng trưởng của vốn chủ sở hữu Công ty.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

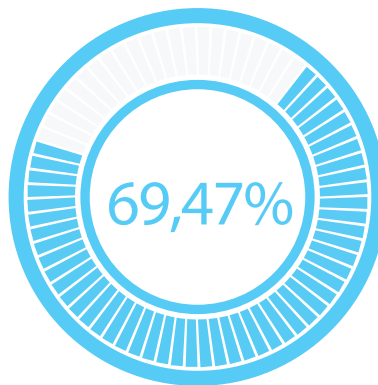
Số cổ phiếu đã phát hành: 15.555.620 cổ phần
Số cổ phiếu thường: 15.555.620 cổ phần
Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phần
Số cổ phiếu đang lưu hành: 15.506.360 cổ phần
Số cổ phiếu quỹ: 49.260 cổ phần
Mệnh giá: 10.000



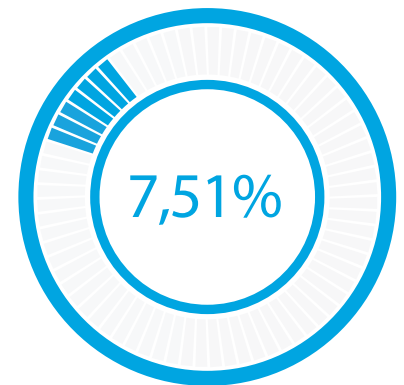
CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI



TỔ CHỨC TRONG NƯỚC



CÁ NHÂN TRONG NƯỚC



TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI



DANH CỔ ĐÔNG LỚN

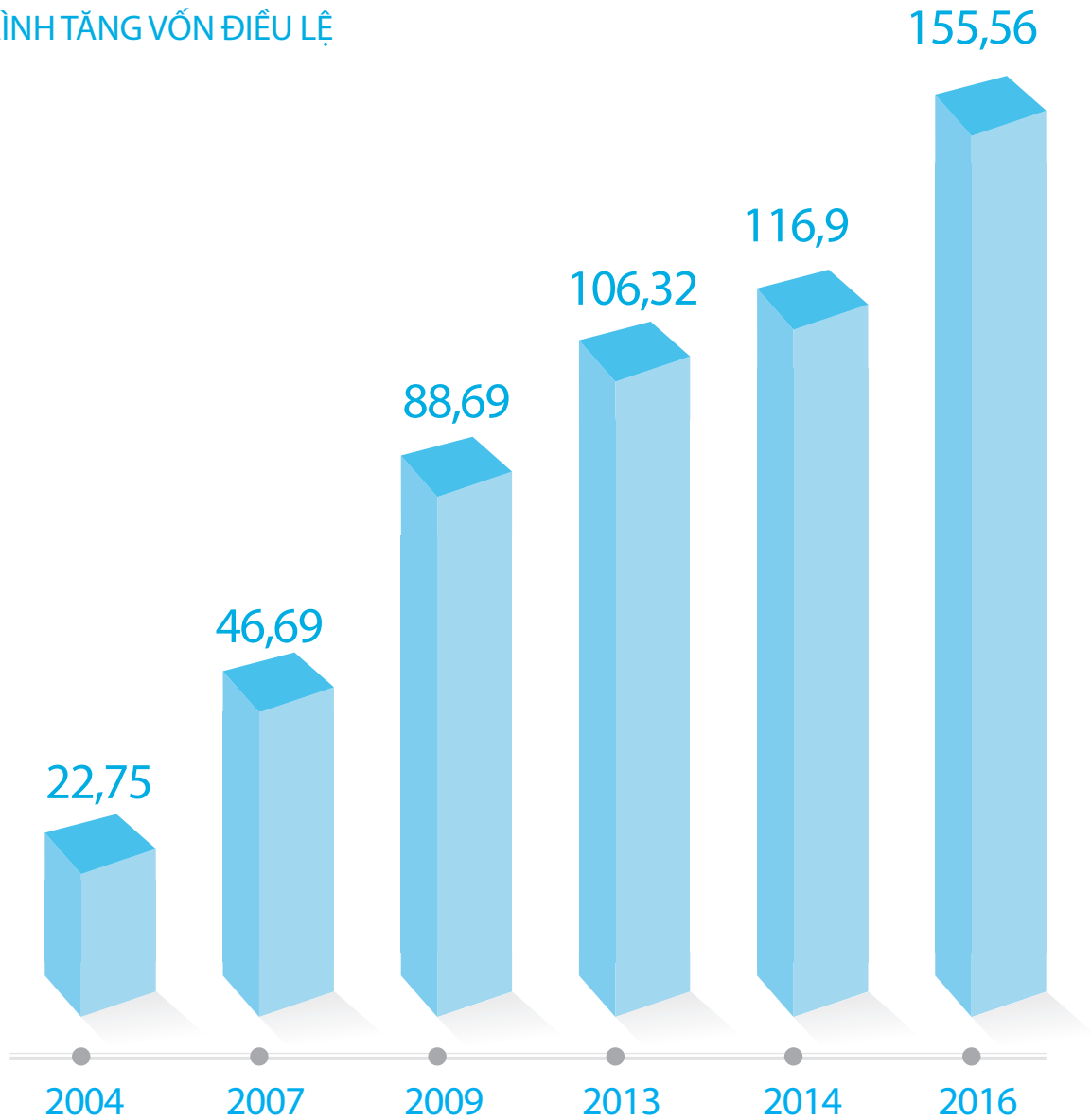
STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
I	Cổ đông lớn		
1	Lâm Quang Thái	2.478.314	15,93%
2	Công ty Cổ Phần Dệt May Gia Định	1.564.385	10,06%
3	Trần Cảnh Thông	1.031.348	6,63%
	Tổng Cộng (I)	5.074.047	32,62%
II	Nhóm cổ đông lớn (1 nhóm)		-
	Lâm Tử Thanh	1.691.530	10,87%
1	Sở hữu cá nhân	817.910	5,26%
2	Đại diện Công Ty TNHH TM Á Châu	436.810	2,81%
3	Đại diện - Công Ty TNHH Tân Á	436.810	2,81%
	Tổng Cộng (II)	1.691.530	10,88%
TỔNG CỘNG		6.765.577	43,50%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU (TT)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông Nhà nước	-	-
	Cổ đông sáng lập	-	-
2	- Trong nước	-	-
	- Nước ngoài	-	-
3	Cổ đông lớn	6.765.577	43,50
	- Trong nước	6.765.577	43,50
	- Nước ngoài	-	-
4	Công đoàn Công ty	-	-
	- Trong nước	-	-
5	- Nước ngoài	-	-
	Cổ phiếu quỹ	49.26	0,32
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	-	-
	Cổ đông khác	8.740.783	56,18
7	- Trong nước	6.561.285	42,17
	- Nước ngoài	2.179.498	14,01
TỔNG CỘNG		15.555.620	100
Trong đó: - Trong nước		13.376.122	85,99
- Nước ngoài		2.179.498	14,01



QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ



Đơn vị tính: Tỷ đồng

Trong năm 2016, Công ty tiến hành phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để bổ sung nguồn vốn lưu động cho Công ty. Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm 31/12/2016 là 155.556.200.000 VNĐ

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2016, Công ty không thực hiện bất kỳ giao dịch cổ phiếu quỹ nào, hiện nay số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty vẫn là 49.260 cổ phiếu.

CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Khởi động ngày làm việc đầu năm 2016, Garmex Saigon đã đưa ra nhiều chương trình hành động nhằm chủ động vượt qua những khó khăn của thị trường trong thời gian tới.

Chương trình hành động nêu lên những biện pháp mà Garmex Saigon sẽ nỗ lực thực hiện để duy trì khả năng cạnh tranh trong năm nay là:

- Tiếp tục bổ sung để hoàn thiện mô hình sản xuất theo phương thức Lean Manufacturing-5S.
- Đẩy mạnh cải tiến từ khâu phát triển mẫu đến khâu hoàn tất, trong đó tập trung vào thao tác tiên tiến của công nhân.
- Tiếp tục theo dõi và duy trì việc quản lý chất lượng, giữ tỷ lệ sản phẩm bị lỗi dưới 2%, kiểm tra chất lượng chặt chẽ ở từng khâu, và tận dụng tối đa hiệu năng của hệ thống phần mềm quản lý sản xuất.
- Xem công tác cán bộ là khâu quyết định đối với sự thành công và khả năng cạnh tranh trước mắt và lâu dài của doanh nghiệp
- Mở rộng năng lực sản xuất tại Hà Lam và Tân Mỹ
- Tập trung cho mô hình kinh doanh của Blue Saigon LLC đặt trụ sở tại Mỹ, phát triển thương hiệu nhượng quyền Gramicci.
- Xây dựng mô hình xác định thái độ làm việc tại Công ty với phương châm Thái Độ Làm Việc Là Tất Cả.

Theo chuỗi giá trị của ngành dệt may thì công đoạn sản xuất ra sản phẩm cuối là giai đoạn có ý nghĩa quyết định, để đạt hiệu quả trong kinh doanh, trước tiên Công ty cần phải thực hiện tốt việc sản xuất tinh gọn theo phương pháp LEAN nhằm giảm thiểu tổn thất, lãng phí do thiếu thông tin, sản xuất dư thừa, tồn kho, sản phẩm lỗi..., đây chính là mục tiêu chiến lược của các Công ty trong Ngành nói chung và GMC nói riêng.

Nắm được yếu tố quan trọng này, Ban lãnh đạo Công ty luôn vận động cán bộ công nhân viên thực hành mô hình **LEAN 5S** với các thành phần trọng yếu từ vận dụng mô hình **LEAN 5S**, áp dụng công cụ quản lý trong sản xuất theo 5S truyền thống là: S1: Sàng lọc, S2: Sắp xếp, S3: Sạch sẽ, S4: Săn sóc, S5: Sẵn sàng. Để cải sản xuất, nâng cao hiệu quả, qua thực tiễn, Garmex Saigon đã kết hợp giữa 2 công cụ LEAN và 5S xây dựng thành 1 tiêu chuẩn riêng của Công ty gọi là LEAN 5S bao gồm:

SẴN SÀNG

S1: Sẵn sàng. Sẵn sàng được thể hiện ở ý thức tự giác của người lao động đối với hoạt động 5S. Các thành viên đều nhận thức rõ tầm quan trọng của 5S, tự giác và chủ động kết hợp nhuần nhuyễn các chuẩn mực 5S với công việc để đem lại năng suất công việc cá nhân và năng suất chung của Công ty cao hơn. Công ty xem cam kết thực hiện cải tiến, mục tiêu cải tiến là mục tiêu quan trọng nhất trong việc hình thành ý thức, tạo thói quen tự giác tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại nơi làm việc. Thường xuyên tổ chức các buổi họp theo dõi cải tiến để rút kinh nghiệm và nhân rộng cải tiến.

SẮP XẾP

S3: Sắp xếp. Sắp xếp là hoạt động bố trí mặt bằng nhà xưởng, bố trí chuyền may, bố trí trong các bộ phận, sơ đồ chuyền, sắp xếp nhà máy đảm bảo quy trình quản lý chất lượng, quản lý kho, cắt. Nguyên tắc chung là bất kỳ vật dụng cần thiết nào cũng có vị trí quy định riêng và kèm theo dấu hiệu nhận biết rõ ràng.

SÀNG LỌC

S2: Sàng lọc. Là xem xét, phân loại, chọn lựa và loại bỏ những thứ không cần thiết tại nơi làm việc. Mọi thứ (vật dụng, thiết bị, nguyên vật liệu, đồ dùng hỏng ...) không liên quan, không cần thiết cho hoạt động tại một khu vực sẽ phải được tách biệt ra khỏi những thứ cần thiết sau đó loại bỏ hay đem ra khỏi nơi sản xuất. Chỉ có đồ vật cần thiết mới để tại nơi làm việc, đảm bảo an toàn nhà xưởng, máy móc thiết bị

SẠCH SẼ

S4: Sạch sẽ. Đây là nội dung trọng tâm của Lean là "Hệ thống kéo" bao gồm hoạch định của chuyền may, quản lý tồn kho, đảm bảo chất lượng từ nguồn, rải chuyền theo quy mô nhỏ. Thường xuyên giữ gìn vệ sinh tại nơi làm việc, máy móc, thiết bị, dụng cụ làm việc hay các khu vực xung quanh nơi làm việc để đảm bảo môi trường, mỹ quan tại nơi làm việc.

SẴN SÓC

S5: Sẵn sóc. Là duy trì thực hiện tốt 4S đầu tiên, loại bỏ lãng phí, tiến hành chuẩn hóa và đánh giá định kỳ, thường xuyên, đảm bảo hệ thống kéo, liên tục cải tiến, đào tạo thao tác tiên tiến và công nhân đa kỹ năng. Để đánh giá mức độ thực hiện công ty đã xây dựng thang điểm chi tiết đánh giá cho từng tiêu chí cụ thể làm thước đo cho sự duy trì .

Kết quả, trong năm 2016, chỉ số biên lợi nhuận gộp của Công ty tăng 1,6% so với năm 2015 đạt 17,07%, tốc độ tăng trưởng doanh thu cao hơn tốc độ tăng trưởng giá vốn hàng bán 0,35%, tạo cơ sở mang lại nhiều lợi nhuận hơn cho cổ đông Công ty.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Khả năng cải tiến của Garmex Saigon gây ấn tượng với chuyên gia QE Columbia Sportswear (Mỹ)

Nhóm chuyên gia cao cấp phụ trách QE (Quality Engineering – Công nghệ Chất lượng) từ trụ sở chính của Columbia Sportswear (Mỹ) đã đến thăm Xí nghiệp An Phú trực thuộc Garmex Saigon trong chuyến công tác của họ đến Việt Nam. Mặt bằng sản xuất được bố trí lại và hệ thống quản lý chất lượng trực quan bằng công nghệ thông tin được áp dụng tại Xí nghiệp đã để lại ấn tượng tốt đẹp với khách tham quan. Khách cũng thích thú tìm hiểu cách thức Xí nghiệp sử dụng hiệu quả trang thiết bị trong công đoạn ép nhiệt và cắt laser. Điểm sáng của hoạt động Xí nghiệp là rập cải tiến và gá lắp giúp cho việc sản xuất thuận tiện và nâng cao năng suất cũng như hiệu năng. Các kỹ sư sản xuất từ trụ sở chính của Columbia Sportswear (Mỹ) mong muốn tìm hiểu về khả năng cải tiến của cán bộ kỹ thuật tại chỗ khi họ đưa ra nhiều loại rập và gá lắp đã được sử dụng khi sản xuất các đơn hàng của thương hiệu thể thao Mỹ nổi tiếng toàn cầu này. Cởi mở và hợp tác, các chuyên gia kỹ thuật Mỹ thậm chí còn



khuyến khích công nhân và cán bộ kỹ thuật xí nghiệp có nhận xét về mẫu được phát triển tại Mỹ, ứng dụng các rập cải tiến để cải thiện về mỹ quan, công năng và hiệu quả về giá thành của các thành phẩm.



GARMEX SAIGON HIỆN LÀ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC CỦA COLUMBIA SPORTSWEAR ĐANG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY





Garmex Saigon và Columbia Sportswear (Việt Nam) thường có buổi họp kỹ thuật để trao đổi sâu về các yêu cầu kỹ thuật của khách hàng cũng như đề xuất những cải tiến trong công nghệ để vừa đảm bảo tính thẩm mỹ và chức năng vận động của những sản phẩm thể thao mang thương hiệu Columbia và cũng vừa để dễ dàng trong việc sản xuất đại trà sau này. Hai bên đã thảo luận chi tiết và Columbia Sportswear (Việt Nam) hài lòng với việc chuẩn bị chu đáo và tính chuyên nghiệp của Garmex Saigon. Họ tin tưởng rằng những mẫu chào hàng này sẽ mang lại kết quả tốt đẹp cho việc kinh doanh của hai bên. Bên cạnh đó, Columbia Sportswear khuyến khích các QFI (Qualified Factory Inspector) tại Garmex Saigon chủ động hơn nữa trong việc đưa ra những quyết định liên quan đến các vấn đề chất lượng và kỹ thuật trong sản xuất. QFI là danh hiệu dành cho nhân viên kiểm tra chất lượng (QA) của Công ty Garmex Saigon và các Xí nghiệp trực thuộc được Columbia Sportswear đào tạo theo chuẩn mực chất lượng toàn cầu và chứng nhận sau khi đã kiểm tra trình độ và kỹ năng. Hiện các QFI của Garmex Saigon đủ năng lực và thẩm quyền kiểm tra chất lượng các đơn hàng xuất khẩu cho Columbia Sportswear.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

STT	Đơn vị kinh doanh	Điện	Gas	Than	Dầu D/O
		(Kwh)	(KG)	(KG)	(Lít)
1	Garmex SaiGon	3,653,671	26,613	267,817	-
2	Công ty TNHH May Tân Mỹ	1,008,890	12,299	156,562	4,500
3	Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh	539,520	5,400	-	-
Tổng cộng		5,202,081	44,312	424,380	4,500

Tình hình tiêu thụ năng lượng của Garmex Saigon và các Công ty con như sau: Nhìn chung, tổng số điện được sử dụng là 5.202.081 Kwh, tăng khoảng 783.256 Kwh so với năm 2015. Đơn vị có sự biến động trong sử dụng điện là Công ty mẹ - Garmex Saigon khi tăng đến 748.196 Kwh tiêu thụ, Tân Mỹ tăng 119.660 Kwh trong khi Sài Gòn Xanh ghi nhận giảm khoảng 84.600 Kwh. Việc chuyển đổi lò hơi từ đốt than sang sử dụng điện là góp phần bảo vệ môi trường và việc đầu tư thêm hai chuyên may tại Xí nghiệp May An Phú và tăng gia sản xuất cho các đơn hàng xuất khẩu là nguyên nhân chính cho việc tăng mức điện năng tiêu thụ tại Garmex Saigon.



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, Garmex Saigon luôn nhận thức được vai trò của việc giữ gìn bảo vệ môi trường và đóng góp cho cộng đồng trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Thời gian qua, Công ty đã liên tục thực hiện các biện pháp hỗ trợ nhằm cải tạo môi trường, vệ sinh phong quang, cũng như đóng góp sức mình phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

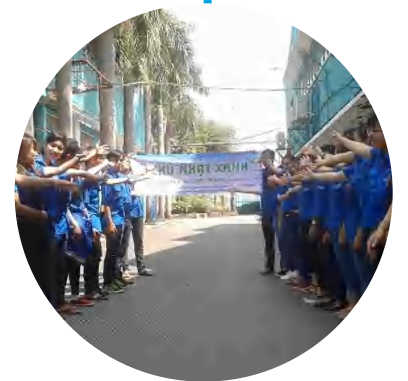
TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG

Chú trọng công tác đầu tư, dây chuyền sản xuất, đảm bảo an toàn đối với người lao động, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn chất lượng về môi trường, cũng như đáp ứng tốt yêu cầu của Khách hàng về chất lượng sản phẩm.

Hệ thống xử lý chất thải cũng được Công ty quan tâm xem xét, đảm bảo xử lý tốt chất thải trong quá trình sản xuất trước khi thải ra môi trường, trong đó các loại chất thải được phân loại kỹ trước khi tiến hành xử lý, đưa ra môi trường.

Hệ thống cấp nước tại Công ty đã được xử lý tách bỏ tạp chất, đảm bảo có thể uống được ngay từ bất kỳ vòi nước nào tại Công ty. Các nhà ăn tại các nhà máy thuộc Garmex Saigon đều do các xí nghiệp tự vận hành và quản lý, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và sức khỏe cho người lao động tại Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty luôn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định có liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường. Nhờ vậy trong thời gian qua Garmex Saigon chưa vi phạm bất kỳ quy định nào của Pháp luật liên quan đến vấn đề này. Ngoài ra, Bộ phận Đánh giá sự Tuân thủ Trách nhiệm Xã hội (CR) của nhãn hàng nổi tiến toàn cầu Columbia Sportswear hai năm liền đã tiến hành đợt kiểm tra không báo trước và hài lòng về sự tuân thủ của Xí nghiệp An Nhơn trực thuộc Garmex Saigon. Xí nghiệp này được đánh giá mức "Acceptable" sau đợt đánh giá - mức liền kế mức đỉnh "Best in Class" trong hệ thống phân loại của Columbia Sportswear. Theo nguyên tắc, các đơn hàng của Columbia Sportswear tắc sẽ được đổ vào các xí nghiệp có kết quả tuân thủ đạt yêu cầu. Kết quả đợt đánh giá đã chứng minh được những nỗ lực của Garmex Saigon nói chung và Xí nghiệp An Nhơn nói riêng trong việc tạo ra môi trường làm việc an toàn, hỗ trợ tối đa cho người lao động đạt được hiệu quả tốt nhất, đồng thời vẫn đảm bảo các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, trách nhiệm với cộng đồng xã hội. Ngoài ra, Xí nghiệp An Phú đã tham gia dự án khảo sát mức độ hài lòng của Người lao động của khách Columbia và cả hai năm Công ty đều đạt số điểm cao nhất trong group 11 doanh nghiệp cung cấp sản phẩm FOB cho khách hàng Columbia, đây là nỗ lực của Công ty Garmex Sài Gòn nhằm giữ chân người lao động, nhằm nâng cao giá trị bền vững của Cty Garmex Sài Gòn Js.



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

CÔNG TÁC CHĂM LO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Garmex Saigon xem lao động là vốn quý do đó công ty luôn tiến hành đánh giá mỗi nguy, rủi ro tại từng vị trí công việc cụ thể. Từ đó có các biện pháp tương ứng, cung cấp bảo hộ lao động để giảm thiểu rủi ro, phòng tránh tai nạn lao động và giảm nguy cơ bệnh nghề nghiệp. Các bộ phận nguy hiểm của máy móc thiết bị đều có trang thiết bị bao che phù hợp. Thực hiện bảo trì bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị, máy móc để đảm bảo vận hành tốt và an toàn. Kiểm tra định kỳ hàng tháng các vấn đề liên quan đến an toàn lao động để phát hiện và khắc phục kịp thời. Kiểm định định kỳ đối với các loại máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Tổ chức cho người lao động tham gia các khóa huấn luyện về PCCC, ATLĐ... theo đúng yêu cầu của pháp luật. Đào tạo nội bộ cho công nhân mới tuyển và đào tạo lặp lại định kỳ hàng năm để nâng cao nhận thức của công nhân về an toàn lao động, các tiêu chuẩn và nội quy công ty. Người lao động gặp khó khăn đột xuất công ty chi hỗ trợ từ 500.000 đồng trở lên. Hàng năm vào dịp tết Nguyên Đán ngoài chính sách chăm lo tết chung công ty còn hỗ trợ công nhân có hoàn cảnh khó khăn 700.000 đồng để góp phần giảm bớt lo toan ngày tết cho người lao động.

Tại Công ty, nguồn nhân lực con người luôn được xem là yếu tố trọng tâm và từng bước được hoàn thiện công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách Lương, thưởng và chế độ đãi ngộ; Tuyển dụng và Đào tạo và Phát triển. Các chính sách lương, thưởng, trợ cấp... cho người lao động luôn được xem xét và giải quyết thỏa đáng, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho cán bộ công nhân viên được tổ chức công bằng, thực hiện phân chia thu nhập theo năng lực công tác, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác. Công ty đang từng bước hoàn thiện mô hình trả lương 3P đối với khối gián tiếp văn phòng công ty xem đây là giải pháp quan trọng để tăng năng suất lao động của từng cá nhân, đồng thời động viên khuyến khích người lao động trong việc thực thi trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ. Từ đó tạo ý thức tự giác nâng cao kỹ năng làm việc, sáng tạo đưa ra ý tưởng rút ngắn quy trình sản xuất, tạo thêm nhiều giá trị gia tăng. Đối với khối trực tiếp sản xuất công ty áp dụng mô hình Lean 5S xem đó là giải pháp rút ngắn thời gian làm việc tăng năng suất lao động nhưng vẫn đảm bảo lương và thu nhập cho người lao động.





Tất cả cán bộ công nhân viên đều được đóng bảo hiểm (y tế, xã hội, thất nghiệp) theo quy định và đảm bảo các quyền lợi theo Bộ Luật lao động, Công ty luôn cam kết bảo đảm đầy đủ các quyền lợi về tinh thần, vật chất cho người lao động theo quy định của Pháp luật và thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm công ty chi thêm trên 400 triệu đồng để mua bảo hiểm tai nạn và chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

Kết hợp cùng với Công đoàn, và Đoàn thanh niên, Công ty luôn tiến hành chăm lo đời sống cho người lao động, tổ chức bếp ăn công nghiệp, định kỳ đánh giá chất lượng bếp ăn thông qua khảo phiếu khảo sát mức độ hài lòng để có bước cải thiện kịp thời và có chính sách tăng cường cải thiện suất ăn phù hợp với từng thời điểm. Vào các ngày lễ công ty chăm lo thêm bữa ăn nhẹ cho người lao động (tổng số tiền 206.159.000 đồng). Vào dịp tết nguyên đán, Công đoàn tổ chức họp mặt cuối năm cho các Công nhân ăn tết xa nhà, tặng quà cho đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức xe về quê ăn tết (tổng số tiền 204.518.945 đồng). Ngoài ra Công ty còn hỗ trợ các Công nhân gặp khó khăn đột xuất, hỗ trợ tiền xăng và gửi trẻ cho người lao động (tổng cộng 6.424.993.859 đồng), hỗ trợ công nhân nữ đơn thân nuôi con (tổng cộng 234.750.000 đồng), hỗ trợ người lao động mua bảo hiểm tai nạn với giá 56.000 đồng một năm,... Trong năm 2016, tổng số tiền dùng để hỗ trợ cho người lao động của Công ty vào khoảng 10 tỷ đồng.



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

CÔNG TÁC CHĂM LO ĐỜI SỐNG CHO LAO ĐỘNG VÀ THÂN NHÂN:

Trong năm 2016, Công ty đã tổ chức các lớp chuyên đề, tập huấn, phổ biến về tầm quan trọng của dinh dưỡng, tiêm chủng ngừa cho các chị em lao động tại Công ty. Trong ngày quốc tế Phụ nữ 08/03, Công ty còn tổ chức cuộc thi cắm hoa, nấu ăn và tặng quà chúc mừng cho chị em phụ nữ... Ngoài ra Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động do Công đoàn cấp trên tổ chức như Giải bóng đá Nữ, Thi thiết kế cắt may thời trang và hội thi văn nghệ. Trong những cuộc thi này, Công ty đã đạt được giải nhất thiết kế và trình diễn thời trang, giải nhì múa minh họa, tổng giá trị giải thưởng là 13 triệu đồng.

Công ty cũng có những ưu đãi cho con em cán bộ công nhân viên trong công ty, cụ thể trong năm 2016, Công ty đã cử 8 em thiếu nhi có thành tích tốt trong học tập tham gia trại hè Thanh Đa - Bình Thạnh, đề xuất các cơ quan ban ngành tặng quà nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 01/06 cho 3.456 cháu thiếu nhi trong địa bàn. Ngoài ra, Công ty còn trao quà và học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho các bé có thành tích xuất sắc trong học tập.

Bên cạnh những ưu ái, hỗ trợ cho đời sống người lao động, Công ty còn tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ, tập huấn chuyên môn, tạo điều kiện cho người lao động hiểu thêm về mô hình hoạt động của Công ty, mô hình LEAN 5S, giúp người lao động mới làm quen với guồng máy lao động nhanh hơn, giúp người lao động cũ có cơ hội rèn luyện, thực hành theo đúng tinh thần của mô hình 5S.



CÔNG TÁC XÃ HỘI

Trong năm, Công ty đã ủng hộ cho đồng bào Miền Trung chịu ảnh hưởng của thiên tai số tiền là 300.000.000 đồng, số tiền này đã được Công ty trao cho Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hồ Chí Minh.

Hỗ trợ tổ chức Đoàn Thanh niên phường 17 Quận Gò Vấp số tiền là 5.000.000 đồng với mục đích cải tạo môi trường, nạo vét rác tại kênh bà Miên trong khu vực thuộc địa bàn hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn thường xuyên thăm các trung tâm nuôi trẻ khuyết tật trong địa bàn Quận Gò Vấp, Khoa Nhi bệnh viện Ung Bướu Thành phố Hồ Chí Minh và Bệnh viện Nhi đồng 2 với tổng số tiền hỗ trợ là 43.480.000 đồng.

Để tạo điều kiện, xây dựng quỹ tương trợ người lao động của Công ty do Công Đoàn Công ty quản lý, các cán bộ chủ chốt của Công ty đã trích phần tiền thưởng trong năm 2015 của mình để đóng góp cho quỹ lên đến 1.050.000.000 đồng.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Dệt may vốn là một ngành có nhu cầu lao động cao, yêu cầu tay nghề tốt và ổn định, vì lẽ đó mà người lao động là yếu tố then chốt quyết định thành bại của Công ty trong ngành. Tại Garmex Saigon, người lao động thường xuyên được chú trọng đào tạo kỹ năng làm việc và được xác định theo yếu tố lao động. Công nhân sản xuất được chú trọng đào tạo kỹ năng sản xuất, nhân viên nghiệp vụ được đào tạo các kỹ năng nghiệp vụ liên quan, cấp tổ trưởng được chú trọng đào tạo nâng cao khả năng, năng lực quản lý tùy vào cấp độ quản lý liên quan. Tổng Số giờ đào tạo người lao động tại Công ty trong năm 2016, đạt tổng cộng 66.848 giờ, với 4.178 người lao động tại Công ty, số giờ đào tạo bình quân là 16 giờ trên mỗi người lao động. Công ty còn cử nhân viên nghiệp vụ tham gia các khóa đào tạo bên ngoài để nâng cao kỹ năng làm việc đáp ứng với điều kiện mới.

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Mức lương trung bình (ĐVT: Triệu đồng/người)	Số giờ đào tạo trung bình (ĐVT: Giờ/ Người)
1	Theo giới tính:			
	- Nam	995	9.076.611	16h/ 1 năm
	- Nữ	3.183	7.985.599	
2	Theo hợp đồng lao động:			
	- Toàn thời gian	4.178	8.243.283	16h/ 1 năm
	- Bán thời gian	-		
3	Theo trình độ:			
	- Đại học	146	17.622.885	16h/ 1 năm
	- Cao đẳng	205	10.512.756	
	- Phổ thông	3.827	7.763.883	



Nominal GDP
(% change)
Real GDP (% change)
Inflation
Exchange Dec

03 BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

**BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG
GIÁM ĐỐC**

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

//

Trong năm 2016, tình hình dệt may thế giới không khả quan. Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu hàng hóa dệt may của Mỹ, EU, Nhật Bản rất thấp hoặc suy giảm. Cụ thể, nhập khẩu dệt may của thị trường Mỹ năm 2016 ước đạt 113,8 tỷ USD, giảm 4,84% so với năm 2015; nhập khẩu dệt may của Nhật Bản ước đạt 34,7 tỷ USD, giảm 1,7%; nhập khẩu dệt may của Hàn Quốc ước đạt 13,3 tỷ USD, giảm 4,03%. Riêng thị trường Châu Âu có tín hiệu khả quan hơn với mức tăng trưởng nhập khẩu dệt may là 5,12%, ước đạt 260 tỷ USD. //

Kim ngạch xuất khẩu toàn ngành Dệt may Việt Nam năm 2016 ước đạt 28,3 tỷ USD, chỉ tăng 5% so với năm 2015 nhưng xét trong tổng thể toàn cầu cũng như các biến động kinh tế, chính trị lớn tại các thị trường chính thì đây là một nỗ lực đáng ghi nhận. Trong đó: kim ngạch xuất khẩu đi Mỹ đạt 11,8 tỷ USD, tăng 5,8%; đi EU đạt 3,7 tỷ USD, tăng 6,3%; đi Nhật Bản đạt 3,1 tỷ USD, tăng 5,4%, đi Hàn Quốc đạt 2,6 tỷ USD, tăng 5,1%.



Kết thúc năm 2016, GMC đã thực hiện được doanh thu 1.611 tỷ, tiếp tục hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch 1.550 tỷ vượt 3,93%. Trong bối cảnh Việt Nam đã và đang hội nhập ngày càng sâu rộng, một số các hiệp định quốc tế đã được ký kết khiến cho cạnh tranh trong ngành dệt may diễn ra ngày càng gay gắt thì những thành tựu mà Công ty đạt được đã cho thấy nỗ lực của ban Tổng giám đốc trong việc hoạch định kế hoạch quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh một cách đúng đắn. Để đạt được những thành tích khả quan này, ban Tổng giám đốc Công ty đã thực hiện những chiến lược như sau:

01

Chuyển đổi chiến lược sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao đã phát huy lợi thế kỹ năng lao động Việt Nam, giảm thiểu cạnh tranh với các nước khu vực vì đây là lợi thế khác biệt của Việt Nam

02

Chính sách ‘thâm dụng đầu tư’ chất xám và các nguồn lực của Công ty trong xây dựng chuyên lean 5S, đầu tư thiết bị chuyên dụng, tự động và nâng cao kỹ năng trong lao động trực tiếp và gián tiếp, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch công nghệ, thiết kế kỹ thuật từ nước bạn sang,... đã thật sự gặt hái hiệu quả, củng cố vị thế với Khách hàng, dành ưu đãi trong phân bổ đơn hàng cùng với việc từng bước hoàn thiện tính phối hợp trong hệ thống quản lý đã tạo ra những mô hình sản xuất tiên tiến, hiệu quả như An Phú (từ tháng 6 – tháng 9, An phú luôn đạt mức doanh thu gia công trên 690.000 USD và đặc biệt tháng 8 đạt 809.000 USD. Qui đổi theo FOB, doanh thu từ 2,8 triệu usd đến 3,2 triệu usd/tháng, tức 62 tỷ đến hơn 71 tỷ đồng doanh thu/tháng).

03

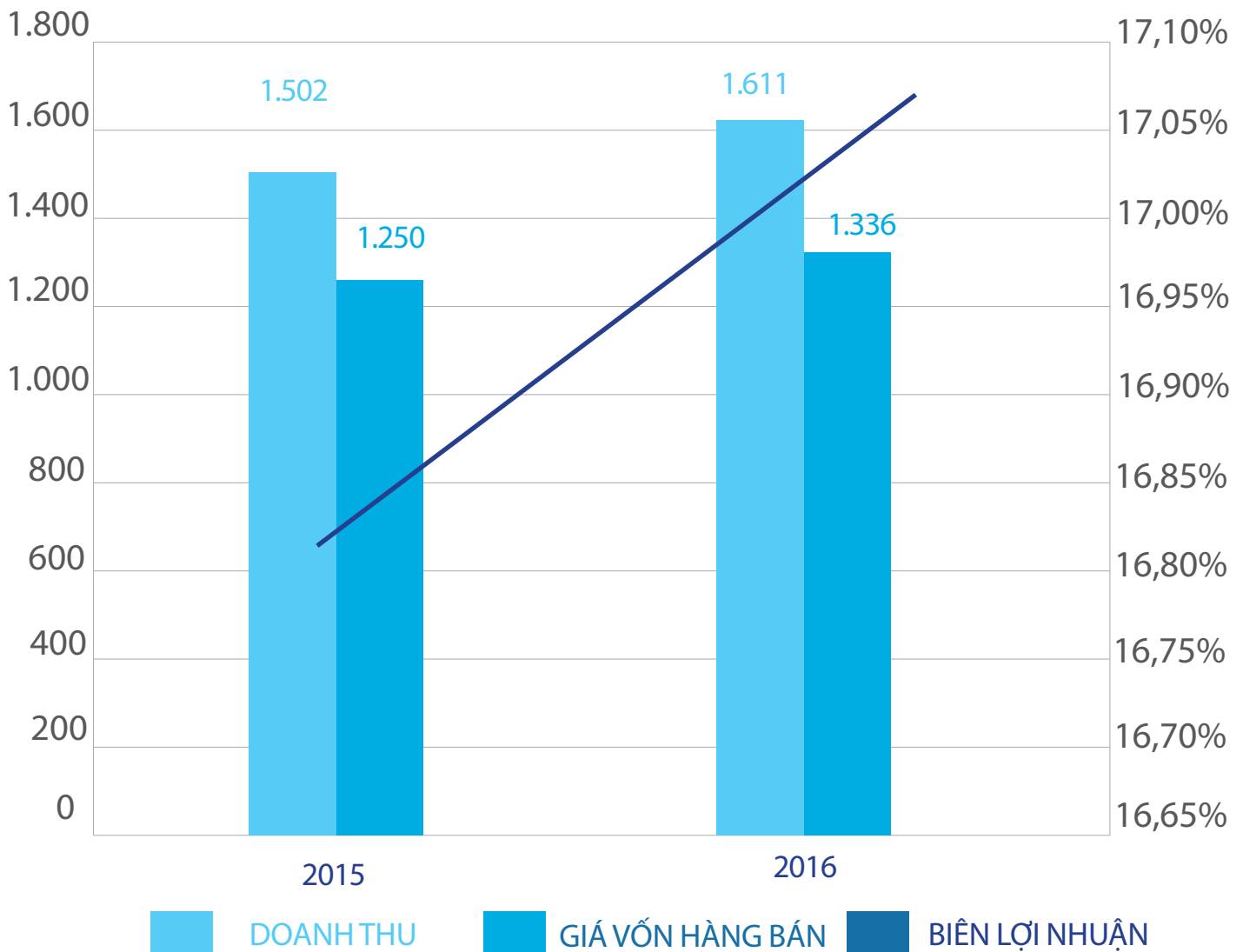
Ngoài ra, ban Tổng Giám đốc luôn theo dõi sát sao những diễn biến kinh tế, địa chính trị của các đối tác và thị trường chính của Công ty, từ đó chủ động ứng phó với diễn biến thị trường để có quyết sách thích hợp



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

CHỈ TIÊU KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

STT	CHỈ TIÊU	2,015	2,016	Tăng giảm 2016/2015
1	Tổng giá trị tài sản	836,543	883,468	5.61
2	Tài sản ngắn hạn	615,644	628,853	2.15
3	Hàng tồn kho	233,854	227,459	(2.73)
4	Tổng nợ	579,356	604,955	4.42
5	Nợ ngắn hạn	576,478	553,574	(3.97)
6	Vốn chủ sở hữu	260,236	278,513	7.02
7	Doanh thu thuần	1,502,065	1,611,379	7.28
8	Lợi nhuận trước thuế	82,158	75,696	(7.87)
9	Lợi nhuận sau thuế	60,130	60,986	1.42





//

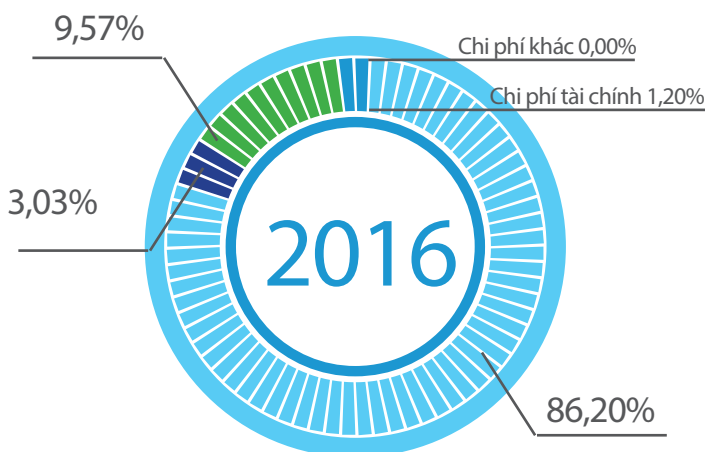
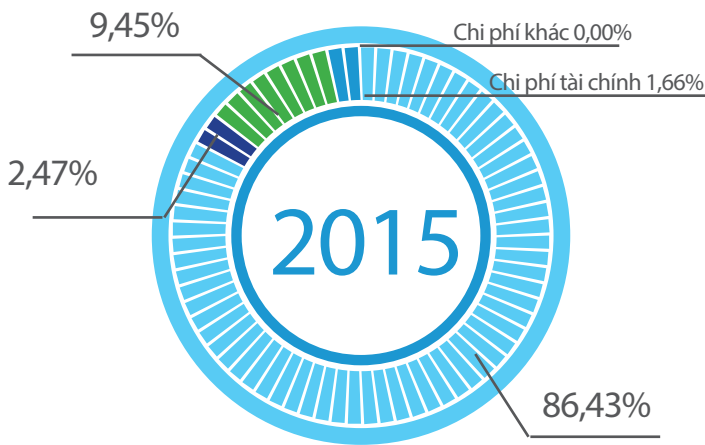
Năm 2016 là một năm để lại nhiều dấu ấn nổi bật của Garmex Saigon, hiệu quả sản xuất kinh doanh được cải thiện rõ rệt, thể hiện sự hiệu quả của việc ứng dụng và cải tiến LEAN 5S tại Công ty. Là một trong những Công ty có doanh thu ngàn tỷ tại Việt Nam, việc gia tăng biên lợi nhuận gộp lên 0,27% thể hiện cả một sự cố gắng tích cực của tập thể cán bộ công nhân viên tại Công ty, trong đó: //




VỀ DOANH THU

Doanh thu trong năm 2016 đạt 1,611 tỷ đồng, tăng 7,28% so với cùng kỳ năm trước. Tăng trưởng doanh thu trong năm 2016 tăng do các thị trường truyền thống của Công ty phát triển tốt, việc áp dụng công nghệ vào sản xuất cũng khiến các đối tác ưu tiên Garmex Saigon hơn trong việc lựa chọn nhà sản xuất. Mảng may mặc vẫn là mảng đóng góp chủ lực vào doanh thu của Công ty. Về lợi nhuận gộp, năm 2016, Garmex Saigon ghi nhận 275 tỷ đồng, tăng 8,99% so với năm 2015.

VỀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Chi phí giá vốn vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí hoạt động của Garmex Saigon. Chi phí giá vốn hàng bán trong năm 2016 chiếm 86,20% tổng chi phí, giảm nhẹ 0,23% so với năm 2015. Chi phí quản lý duy trì khoảng 9,5% trong năm 2016, trong đó chi phí bán hàng tăng nhẹ và chi phí tài chính giảm nhẹ so với năm 2015. Chi phí bán hàng tăng do Công ty tích cực mở rộng hoạt động sản xuất, tìm kiếm thị trường mới, khách hàng tiềm năng trong năm, và bán hàng theo phương thức DDP.



-  Chi phí giá vốn hàng bán
-  Chi phí bán hàng
-  Chi phí quản lý
-  Chi phí tài chính
-  Chi phí khác



CHỈ TIÊU KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	KH 2016	TH 2016	TH so với KH	2016 so với 2015
1	Tổng doanh thu	Tỷ Đồng	1.528	1.550	1.626	104,90%	106,41%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đồng	82	60	76	126,67%	92,68%
3	Cổ tức/ VĐL	%	30,00%	20%-30%	30%	ĐẠT	100,00%

Trong năm 2016, Công ty hoàn thành vượt kế hoạch mục tiêu đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016, công ty đã tạm ứng 15% cổ tức cho cổ đông trong năm 2016 và dự kiến sẽ chi trả phần 15% còn lại trong quý 1 năm 2017.

NHỮNG TIẾN BỘ MÀ CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2016

VỀ DÂY CHUYỀN SẢN

Công ty đã nghiên cứu những phương pháp tối ưu, từng bước nâng cao năng lực của dây chuyền sản xuất để từ đó tiến hành tái tổ chức, sắp xếp lại chuyền sản xuất từ chữ II sang chữ U. Hiệu quả đạt được thể hiện ở việc Công ty đã tăng cường được công tác quản lý, kiểm soát hoạt động của các xưởng sản xuất ở ba nhà máy, một mặt góp phần củng cố vị thế công ty đối với Khách hàng, một mặt tiết kiệm chi phí và thời gian, tăng giá trị mang lại cho cổ đông của Garmex Saigon.

VỀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Trong năm 2016, Công ty đã sắp xếp lại hệ thống quản lý kỹ thuật theo chuyên ngành với mục đích phát huy tối đa sở trường của mỗi cá nhân cũng như gia tăng trách nhiệm cụ thể của mỗi lao động, mỗi bộ phận phòng ban trên cơ sở tăng cường năng lực thiết kế, phát triển mẫu sản phẩm giúp Garmex Saigon tiết kiệm được chi phí đầu tư tài sản cố định được ước tính lên đến gần 3 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

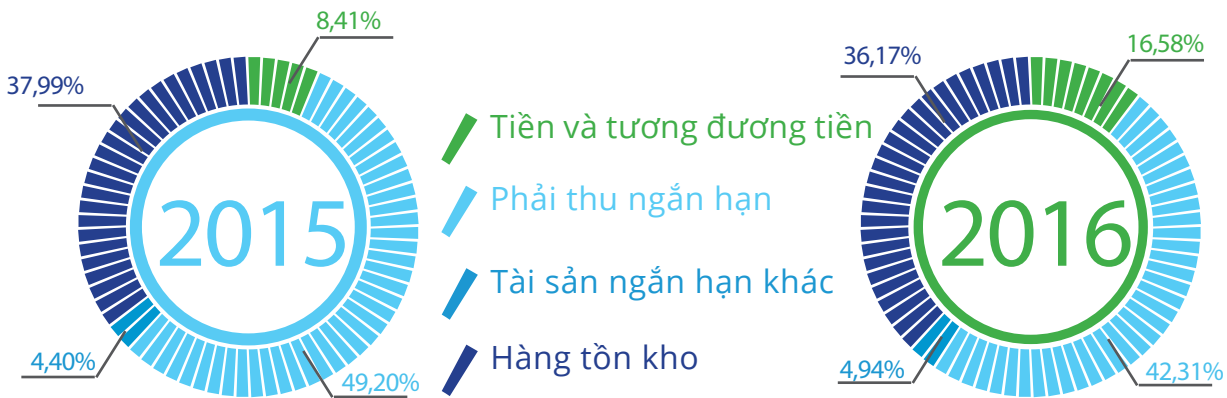
TRONG NĂM 2016

STT	Tiêu chí	2015	2016	% Tăng/ Giảm
1	Tài sản ngắn hạn	615.644	628.853	2,15%
2	Tài sản dài hạn	220.898	254.615	15,26%
3	Tổng tài sản	836.542	883,468	5,61%

Trong năm 2016, Tài sản cố định của Công ty tăng 38,6 tỷ đồng, làm tài sản dài hạn tăng 15,26% so với cùng kỳ năm trước, tài sản ngắn hạn có mức tăng chậm hơn, đạt 2,15%. Sự chênh lệch về tăng trưởng như vậy đã giảm tỷ trọng tài sản ngắn hạn trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty xuống còn 71,18% trong năm 2016, tài sản dài hạn tương ứng tăng lên 28,82%. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho của Công ty chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm lần lượt 42,31% và 36,17%, tiếp đến là tiền và tài sản ngắn hạn khác

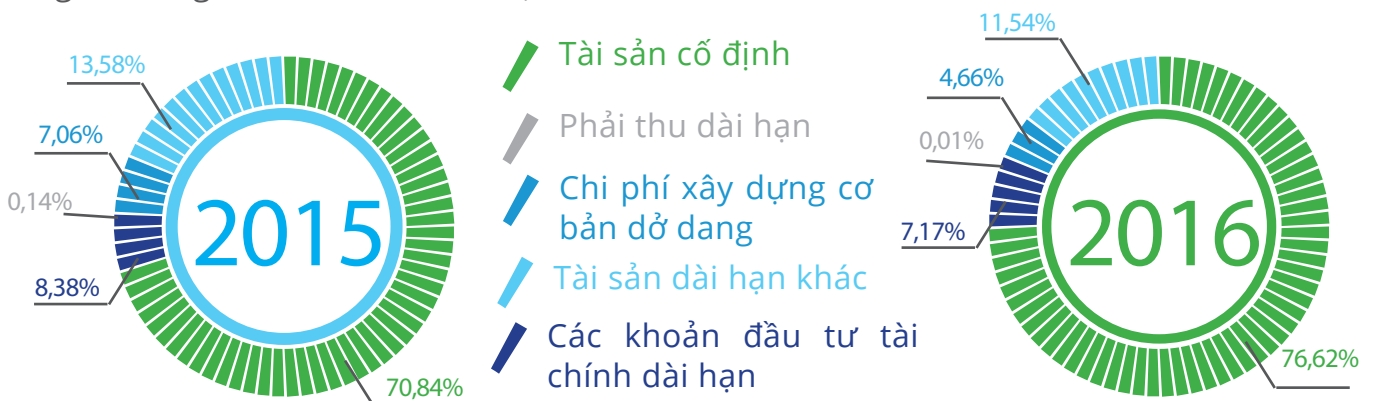
Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho của Công ty chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm lần lượt 42,31% và 36,17%, tiếp đến là tiền và tài sản ngắn hạn khác.

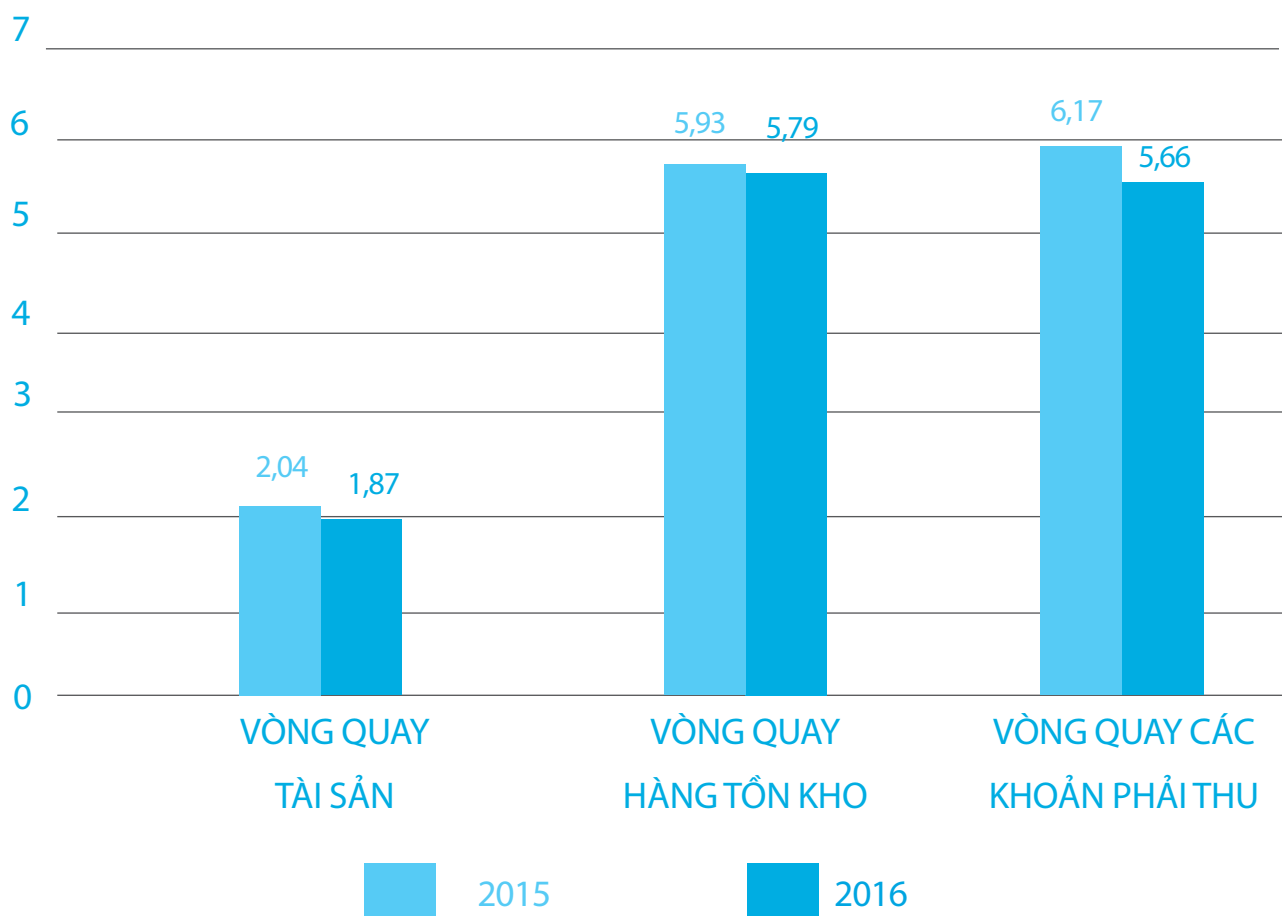
TÌNH HÌNH TÀI SẢN NGẮN HẠN



TÌNH HÌNH TÀI SẢN DÀI HẠN

Đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 76,62%. Ngoài ra các khoản mục khoản phải thu dài hạn, và tài sản dở dang cũng chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu tài sản dài hạn





Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Garmex Saigon trong năm 2016 không có nhiều biến động so với năm 2015, trong đó:

Vòng quay tổng tài sản: Vòng quay tài sản vẫn duy trì quanh mức 1.9 vòng.

Vòng quay khoản phải thu: Giảm từ 6,17 vòng xuống 5,66 vòng, quy đổi ra tương đương 63 ngày để thu hồi tiền bán hàng từ khách hàng. Do Công ty có nhiều đối tác nước ngoài, việc thanh toán đôi khi mất nhiều thời gian để thực hiện, mặt khác các khách hàng nước ngoài cũng đang có xu hướng tăng kỳ hạn thanh toán lên 60 ngày, đây là điều Công ty cần phải đặc biệt lưu tâm trong năm 2017.

Vòng quay hàng tồn kho: Vòng quay hàng tồn kho có xu hướng giảm nhẹ trong năm 2016, giảm 0,14 vòng so với năm 2015.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

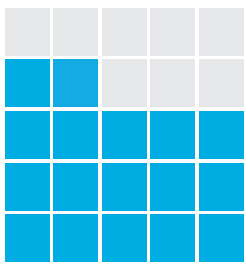
STT	Tiêu chí	2015	2016	% Tăng/ Giảm
1	Nợ ngắn hạn	576.478	553.574	-3,97%
2	Nợ dài hạn	0	51.382	-
3	Tổng nợ	576.478	604.955	4,94%
4	Vốn chủ sở hữu	260.236	278.513	7,02%
5	Tổng nguồn vốn	836.714	883.468	5,59%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

TRONG NĂM 2016

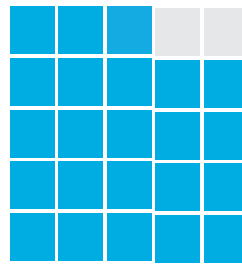
TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ (TT)

Tại thời điểm 31/12/2016, tổng nợ của Công ty đạt 605 tỷ đồng, chiếm 68,48% cơ cấu tài sản của Công ty. So với thời điểm 2015, tổng nợ của Công ty giảm nhẹ khoảng 0,61%. Trong đó nợ vay ngắn hạn chiếm 91,51% trong tỷ trọng tổng nợ, đạt 554 tỷ đồng, giảm 8,49% so với năm trước. Nợ dài hạn đạt 51 tỷ đồng, mới phát sinh trong năm 2016.



0,61%

Tổng nợ/Tổng tài sản
năm 2016 đạt **598** tỷ đồng
chiếm **68,48%** cơ cấu tài sản



8,49%

Nợ ngắn hạn/tổng nợ 2016
giảm **8,49%** so với cùng
kỳ, đạt **554** tỷ đồng

CƠ CẤU NỢ VÀ VỐN

STT	Tiêu chí	2015	2016	% Tăng/Giảm
1	Tổng nợ/Tổng tài sản	68,90%	68,48%	(0,61%)
2	Nợ ngắn hạn/Tổng nợ	100,00%	91,51%	(8,49%)

ẢNH HƯỞNG CỦA CHÊNH LỆCH LÃI VAY

STT	Tiêu chí	2015	2016
1	Vay ngắn hạn	362.044,33	298.742,76
2	Vay dài hạn	0,00	45.055,14
3	Chi phí lãi vay	6.324,17	9.270,69
4	Chi phí lãi vay/doanh thu thuần	0,42%	0,58%

Nhìn chung, tổng giá trị các khoản vay của Công ty trong năm 2016 có xu hướng giảm, giảm hơn 63 tỷ đồng nợ ngắn hạn so với cùng kỳ, tuy nhiên lại phát sinh khoản nợ vay dài hạn 45 tỷ cùng với việc ngân hàng hạn chế tài trợ vay bằng ngoại tệ đối với các khoản thanh toán trong nước trong tháng 4 đến tháng 6/2016 đã làm cho chi phí lãi vay của Công ty tăng từ 6,3 tỷ lên 9,3 tỷ trong năm 2016 (Năm 2016: lãi vay ngắn hạn là 7,7 tỷ; trung dài hạn: 1,5 tỷ) đã làm cho chi phí lãi vay trên doanh thu thuần từ 0,42% lên mức 0,58%.



NHỮNG CẢI TIẾN NĂM 2016

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Trong năm 2016, Công ty đẩy mạnh việc chuyên nghiệp hóa nguồn nhân lực sẵn có tại Công ty, chú trọng công tác đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý cho cán bộ từ cấp Tổ trưởng trở lên, nhân viên nghiệp vụ chuyên môn được tăng cường trau dồi kỹ năng làm việc và rèn luyện kỹ năng tay nghề đối với công nhân.

Hoàn thiện mô hình sản xuất chuyên Lean, tiếp tục nâng cao cải tiến các công cụ và phương pháp, loại bỏ lãng phí và bất hợp lý trong quy trình sản xuất từ đó từng bước tiết kiệm chi phí, nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty.

Sắp xếp bố trí lại bộ máy nhân sự ở một số phòng ban để chuyên môn hóa từng mảng công việc cho phù hợp với điều kiện mới như:

Bố trí đội ngũ kỹ thuật, thiết kế, triển khai nhằm tận dụng tối đa việc sử dụng phần mềm thiết kế và nhân sự nhưng vẫn đảm bảo tốt khâu chuẩn bị sản xuất.

Bố trí bộ máy tổ chức hành chính thành 3 nhóm:

- Hành Chánh Quản Trị
- Trách Nhiệm Xã Hội gắn với lương thưởng.
- Bộ máy con người, đào tạo.

CHÍNH SÁCH HOẠT ĐỘNG

Chính sách lương thưởng dần chuyển sang phương thức đánh giá lương theo năng lực và hiệu quả hoạt động, là giải pháp quan trọng để tăng năng suất lao động của từng cá nhân, đồng thời động viên khuyến khích người lao động trong việc thực thi trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ. Từ đó tạo ý thức tự giác nâng cao kỹ năng làm việc, sáng tạo đưa ra ý tưởng rút ngắn quy trình sản xuất, tạo thêm nhiều giá trị gia tăng.

Thực hiện chính sách “Thâm dụng đầu tư thay cho thâm dụng lao động”, Công ty tập trung đẩy mạnh đầu tư vào cơ sở hạ tầng, chất xám trong việc hoàn thiện và nhân rộng mô hình LEAN 5S.

Tiến hành phản biện, sáng tạo, quyết tâm hoàn thiện mô hình LEAN 5S tại Công ty, từng bước nâng cao năng suất lao động của cả tập thể, giảm thời gian làm việc nhưng vẫn đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động tại Công ty.

Đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng cao tạo tiền đề để phát triển năng lực sản xuất sản phẩm hàm lượng kỹ thuật cao, quyết tâm thực hiện mục tiêu chiến lược 2018 do Hội đồng quản trị đề ra.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá tác động của tình hình kinh tế thế giới đến Việt Nam

Tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại, ước ở mức 3,1%. Các nền kinh tế khu vực Châu Âu phát triển trì trệ do các vấn đề địa chính trị, dư chấn của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 và già hóa dân số. Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển sụt giảm tốc độ tăng trưởng do nhu cầu thế giới giảm.

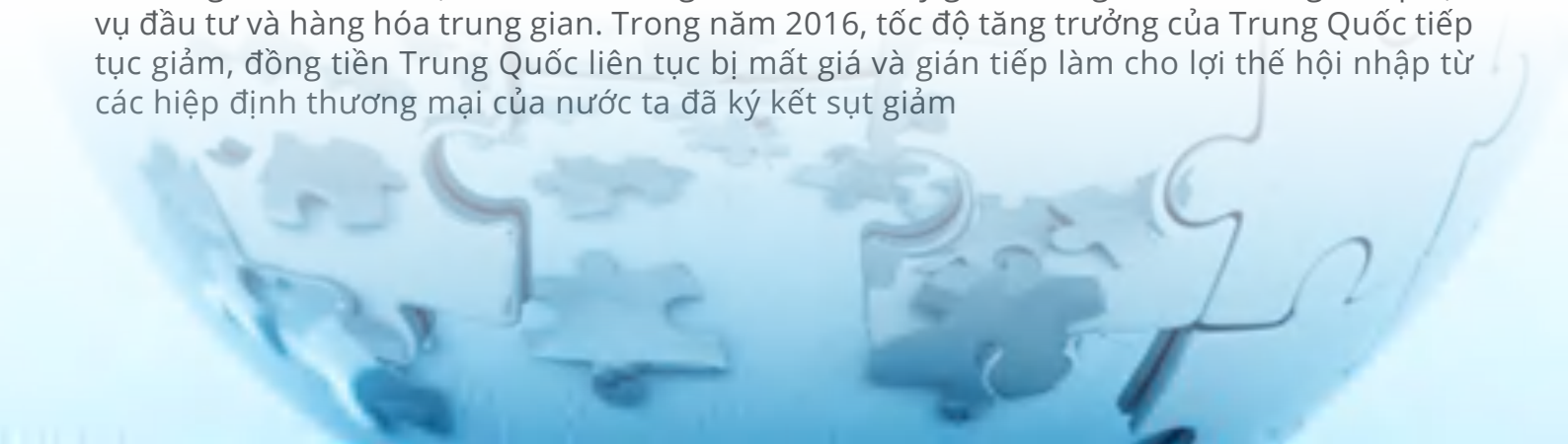
Kinh tế Hoa Kỳ tiếp tục phục hồi và tăng trưởng. Trong năm 2016, trung bình mỗi tháng có thêm 180.000 việc làm mới được tạo ra, tỷ lệ thất nghiệp giảm còn 4,6% trong tháng 11, mức thấp kỷ lục trong 9 năm qua tại Hoa Kỳ. Ngoài ra, việc FED tăng lãi suất lần đầu tiên 0,25% kể từ năm 2008, việc đưa ra lộ trình tăng lãi suất lên 2,125% năm 2018 và kết quả của cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ cũng đã khiến đồng đô la tăng cao kỷ lục. Các doanh nghiệp xuất khẩu gặp bất lợi khi tỷ giá đồng Việt Nam gần như không thay đổi so với các quốc gia cạnh tranh tại thị trường này.



Kinh tế Châu Âu tiếp tục trì trệ, sức mua kém bên cạnh việc Ngân hàng Trung ương Châu Âu tiến hành chính sách nới lỏng tiền tệ từ tháng 3 năm 2016 đến nay, đưa mức lãi suất còn 0% nhằm thúc đẩy gia tăng lạm phát. Mặc dù bước đầu có những kết quả tích cực, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng lên mức 1,1% mức cao nhất trong 3 năm trở lại đây, nhưng kết quả này chỉ đạt được một nửa so với mục tiêu 2% được đặt ra. Nếu xu hướng tăng trưởng này được duy trì, Ngân hàng Trung ương Châu Âu có thể tiến hành thắt chặt một số chính sách tiền tệ trong tương lai. Bên cạnh đó, khủng hoảng chính trị, mâu thuẫn tôn giáo, khủng bố hay yếu kém của một số ngân hàng trung ương, tỷ lệ thất nghiệp tăng, già hóa dân số cũng là những vấn đề tác động đến tăng trưởng kinh tế Châu Âu.



Nền kinh tế Trung Quốc đang chuyển dịch từ nền kinh tế định hướng xuất khẩu và đầu tư sang nền kinh tế dựa trên tiêu dùng đã dẫn đến suy giảm trong nhu cầu hàng hóa phục vụ đầu tư và hàng hóa trung gian. Trong năm 2016, tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc tiếp tục giảm, đồng tiền Trung Quốc liên tục bị mất giá và gián tiếp làm cho lợi thế hội nhập từ các hiệp định thương mại của nước ta đã ký kết sụt giảm



ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH NGÀNH DỆT MAY NĂM 2016

“Tốc độ tăng trưởng của ngành dệt may 2016 sụt giảm rõ nét, khẳng định xu hướng phát triển đang giảm dần. Theo số liệu của Hiệp hội Dệt may Việt Nam, nếu như năm 2014 tăng trưởng của ngành đạt 20,9%, năm 2015 tụt xuống còn 10,9% và năm 2016 chỉ còn khoảng 5%. Như vậy, với xu hướng này, hiệu quả ngành dệt may ngày càng sụt giảm khi chi phí đầu vào tăng bình quân khoảng 10%/năm.”



Bên cạnh tình hình thị trường truyền thống nhiều bất ổn là áp lực cạnh tranh quyết liệt từ các nước khu vực, như Bangladesh, Campuchia, Myanmar... khi các quốc gia này có mức chi phí tiền lương thấp chưa bằng 1/2 chi phí tại Việt Nam bên cạnh việc thả nổi đồng nội tệ và khai thác cơ hội ưu đãi thuế quan của Mỹ và Châu Âu khi khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu.

Trong nước ngoài sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp Việt nam trong ngành còn vấp phải sự cạnh tranh quyết liệt với Khối FDI khi lợi thế ngày càng nghiêng dần về họ. Đón đầu cho các hiệp định thương mại FTA với Châu Âu cũng như TPP, các Công ty đa quốc gia đến từ các nước có truyền thống, thế mạnh trong ngành đã đầu tư hàng tỷ USD để xây dựng chuỗi sản xuất khép kín từ kéo sợi đến thành phẩm may mặc hoàn chỉnh để xuất khẩu theo đơn hàng của Công ty mẹ ở nước ngoài. Mô hình khép kín đã tạo lợi thế cạnh tranh khi thời gian cung ứng sản phẩm rút ngắn, giá thành giảm do vận chuyển thuận lợi, phù hợp với xu hướng phản ứng nhanh của kinh doanh hiện đại và tình hình kinh tế thế giới hiện nay.

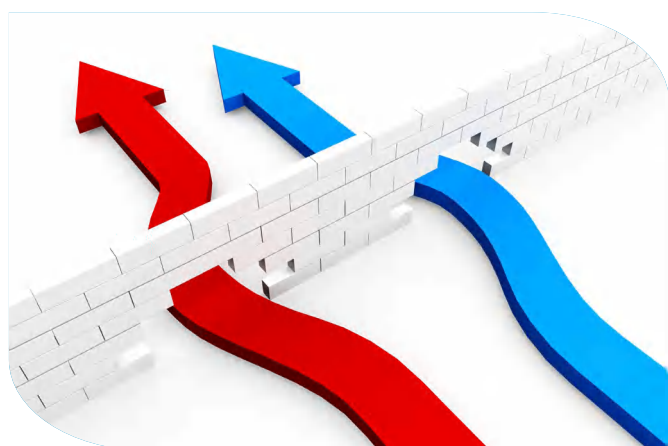
Tuy nhiên điều đáng lo ngại không phải đến từ sự cạnh tranh của các nước khu vực hay FDI mà từ tư duy kinh doanh và tính thụ động

của Doanh nghiệp Việt Nam. Theo thống kê từ Vitas thì 70% doanh thu xuất khẩu của ngành do 30% doanh nghiệp FDI thực hiện, còn lại do 70% doanh nghiệp Việt nam sản xuất, nhưng ngoại tệ thu về rất khiêm tốn do 85% doanh nghiệp Việt Nam sản xuất theo phương thức gia công, chỉ có 25% giá trị trong cơ cấu giá thành sản phẩm, 75% còn lại do các doanh nghiệp nước ngoài giao hàng gia công thụ hưởng! Hiện nay chỉ có 12% Doanh nghiệp may mặc Việt nam kinh doanh theo phương thức FOB (mua nguyên liệu, bán thành phẩm) và 3% sản xuất theo phương thức ODM, bao gồm cả thiết kế sản phẩm. Chính vì đa phần các công ty may Việt Nam sản xuất theo phương thức gia công nên rất thụ động trong phát triển nguồn hàng, phụ thuộc nhiều vào đơn hàng do Khách mang đến. Và cũng vì gia công nên lợi nhuận thấp, tích lũy ít và khó có khả năng đầu tư chiều sâu hay có nguồn nhân lực chất lượng cao do gần như tất cả các điều kiện sản xuất đều do Khách hàng chuẩn bị. Do vậy, tính cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam không chỉ yếu kém so với khối FDI mà còn dễ dàng bị thay thế bởi những điểm đến hấp dẫn khác, như Bangladesh, Myanmar hay Campuchia ... vì khi đã gia công thì chi phí lao động mang tính quyết định!

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2016

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	Tăng /Giảm
1	Doanh thu thuần	1.502.065	1.611.379	7,28%
2	Giá vốn hàng bán	1.249.641	1.336.254	6,93%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	21.563	9.722	-54,91%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	196.270	213.887	8,97%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	77.716	70.961	-8,69%
6	Lợi nhuận khác	4.441	4.736	6,64%
7	Lợi nhuận trước thuế	82.158	75.696	-7,86%
8	Lợi nhuận sau thuế	60.130	60.986	1,42%
9	EPS	4.320	5.146	19,12%



Ngay từ đầu năm 2016, khi trình kế hoạch kinh doanh cho ĐHCĐ, HĐQT Công ty đã đưa ra dự báo về những khó khăn thị trường xuất khẩu khi chỉ đề xuất chỉ tiêu doanh thu là 1.600 tỷ, +5% so với 2015. Qua nhiều tranh luận mới thuyết phục được sự đồng thuận của cổ đông. Quan điểm xuyên suốt trong những nhiệm kỳ qua của Hội đồng quản trị là không xây dựng kế hoạch thấp hơn năng lực thực tế để hoàn thành kế hoạch, khi xây dựng trình ĐHCĐ, HĐQT căn cứ vào phân tích, dự báo tình hình và khả năng của nội lực để đề xuất. Thực tế năm qua, diễn biến tình hình thị trường của ngành đã minh chứng dự báo của HĐQT là có cơ sở và sát thực tiễn.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2016 (TT)

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2016
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	71,18%
2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	28,82%
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	68,48%
4	Nguồn vốn Chủ sở hữu trong Tổng nguồn vốn	31,52%
5	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,14
6	Khả năng thanh toán nhanh	0,73
7	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Doanh thu thuần	4,70%
8	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần	3,78%
9	Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế trên Tổng tài sản	8,80%
10	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản	7,09%
11	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu	22,64%

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2016



Chiến lược phát triển công ty trong nhiệm kỳ III được đề trình ĐHCĐ là chuyển đổi sản phẩm từ đơn giản sang hàm lượng kỹ thuật cao, giá trị cao bên cạnh việc thay đổi quan điểm “thâm dụng đầu tư thay cho thâm dụng lao động.

Cơ cấu thị trường truyền thống của GMC là Mỹ, Châu Âu và các thị trường khác, bên cạnh việc phát triển các đơn hàng nội địa nhằm cân đối năng lực sản xuất mùa thấp điểm, giảm chi phí hỗ trợ cho người lao động. Năm 2016, GMC vẫn chủ yếu xuất khẩu vào các thị trường truyền thống nhưng có thay đổi về tỷ lệ cho phù hợp diễn biến tình hình. Cụ thể, gia tăng xúc tiến Khách hàng tại Mỹ để trở thành thị trường trọng yếu của Công ty khi chiếm đến 54,44% tỷ trọng doanh thu, tăng 9% so với 2015. Thị trường Châu Âu giảm 12%, chiếm 31,69%, còn lại là Nhật Bản và các thị trường khác. Thị trường nội địa chiếm tỷ trọng rất nhỏ, chủ yếu để tận dụng nguyên phụ liệu tồn kho và giải quyết mùa vụ.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2016 (TT)

Trong những năm qua và 2016. HĐQT cùng Ban điều hành tiếp tục đẩy mạnh đầu tư chất xám, cải tiến nâng cao khả năng quản lý, năng suất của các chuyền may, như xây dựng mô hình sản xuất chuyên Lean kết hợp kỹ năng quản lý 5S để làm cơ sở đào tạo chuyên trưởng, chuyển đổi dây chuyền sản xuất sang mô hình chữ U, vừa tăng khả năng giám sát chất lượng, vừa giúp quản lý Tổ điều hành thuận lợi. Tổ chức sắp xếp lại bộ máy kỹ thuật, phát triển mẫu và triển khai sản xuất nhằm gia tăng trách nhiệm quản lý và kỹ năng cải tiến, hợp lý hóa sản xuất. Ngoài ra, trong năm Công ty đã đầu tư 31 tỷ để nâng cao tỷ lệ tự động hóa thiết bị cũng như ứng dụng IT vào quá trình sản xuất, quản lý. Tất cả các biện pháp trên nhằm hiện thực

MỘT SỐ THÀNH QUẢ NỔI BẬT

Ngoài những kết quả cụ thể mang đến tư hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm, công ty đã sắp xếp lại bộ máy quản lý kỹ thuật theo chuyên ngành nhằm phát huy sở trường cũng như trách nhiệm cụ thể của mỗi người, mỗi bộ phận trên cơ sở tăng cường lợi thế thiết kế, phát triển mẫu của Công ty cũng như từng bước tự động hóa công cụ thiết bị; sắp xếp lại bộ máy vận hành hệ thống quản lý nhằm nâng cao trách nhiệm tác nghiệp và tham mưu trong xây dựng, hoàn thiện mô hình quản lý Lean 5S;

Tổ chức đầu tư, sắp xếp lại chuyền sản xuất từ chữ II sang chữ U để tăng cường công tác quản lý, kiểm soát sản xuất của xưởng sản xuất ở 3 nhà máy An Phú, An Nhơn và Hà Lam, góp phần củng cố vị thế công ty đối với Khách hàng.

hóa chủ trương “Thâm dụng đầu tư”, phục vụ chuyển đổi chiến lược sản phẩm, nâng cao lợi thế cạnh tranh của Công ty trong tình hình mới qua việc nâng cao năng suất lao động, giảm thiểu tăng ca ngoài giờ, tăng doanh thu, giảm định phí, tối đa hóa giá trị sản phẩm trên mỗi đầu người.

Sau 3 năm thực hiện chuyển đổi chiến lược sản phẩm và “thâm dụng đầu tư”, hiện Công ty đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ và quản lý điều hành sản xuất chất lượng cao, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu chiến lược phát triển bền vững của Công ty trong tình hình mới.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình thị trường, Khách hàng và có kế hoạch ứng xử linh hoạt, hiệu quả nên kịp thời hạn chế những rủi ro trong điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định trong việc hoàn thành kế hoạch được giao.

Củng cố, tăng cường nhân sự trong Ban điều hành, chuẩn bị nguồn lực kế thừa trong những nhiệm kỳ sau.



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH 2017

Tình hình kinh tế năm 2017 dự báo sẽ có nhiều bất ổn tác động đến các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm dệt may. Xu hướng mạnh lên của đồng đô la sau bầu cử tổng thống Mỹ, triển vọng tăng lãi suất của FED và sự phục hồi của nền kinh tế Mỹ trong khi đó, Châu Âu có thể sẽ có những bất ổn chính trị khi Hà Lan, Áo, Pháp và Đức tiến hành bầu cử trong năm 2017, sự kiện Brexit và những quyết sách về lãi suất của hệ thống Ngân hàng Trung ương Châu Âu làm suy yếu đồng Euro bên cạnh những bất ổn về tăng trưởng kinh tế sẽ làm sụt giảm nhu cầu của ngành hàng may mặc tại thị trường này. Những dự báo trên cần theo dõi chặt chẽ để kịp thời ứng xử vì đây là hai thị trường xuất khẩu chủ lực của GMC, nhất là triển vọng tăng trưởng thị phần tại Mỹ đã vấp phải trở ngại khi TPP bị đình trệ!



Với những lợi thế chi phí nhân công rẻ, chính sách nhập khẩu ưu đãi và tỷ giá thả nổi của Các nước trong khu vực như Bangladesh, Myanmar, Campuchia, xu hướng chuyển dịch gia công sản phẩm may mặc từ Việt Nam sang những nước đó sẽ tiếp tục với cường độ nhanh và mạnh hơn. Bên cạnh đó áp lực cạnh tranh với các nước truyền thống xuất khẩu hàng may mặc cũng gia tăng mạnh hơn khi chính sách ưu đãi đầu tư, khuyến khích xuất khẩu sẽ phát huy tác dụng khi những năm qua chính phủ các nước này đã ban hành để đối phó với diễn biến TPP.

Riêng trong nước, yêu cầu khấu hao, thu hồi vốn của các FDI đã đầu tư đón đầu các FTA những năm qua, nay đã có sự thay đổi khi TPP bị ngưng trệ. Trước thực tiễn trên, nhiều khả năng các doanh nghiệp FDI trong ngành sẽ tăng cường xúc tiến, giảm giá thành, tăng đơn hàng để tận thu khấu hao, giảm thiệt hại. Với những lợi thế đầu tư khép kín, giá thành cạnh tranh, thời gian sản xuất ngắn, doanh nghiệp FDI sẽ gia tăng áp lực cạnh tranh lên các doanh nghiệp Việt Nam.

Tuy nhiên, mặt tích cực khả năng xảy ra là sự chuyển biến trong kiến tạo, thay đổi cơ chế điều hành của chính phủ cho phù hợp với lộ trình hội nhập mà nước ta đã ký kết. Trước tình hình trên, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn trong cạnh tranh, nhất là những doanh nghiệp nhỏ, còn thực hiện phương thức gia công, bị động trong xúc tiến thị trường, đơn hàng. Do đó rất cần sự



thay đổi về nhận thức tình hình, tư duy kinh doanh trong tâm thế chủ động xây dựng chiến lược phát triển, 'tái khởi nghiệp' công ty cho phù hợp diễn biến tình hình. Nhất quyết phải chuyển đổi phương thức kinh doanh sang FOB hay tiến xa hơn là ODM, OBM để chủ động khai thác lợi thế hội nhập, cân đối năng lực đơn hàng, tăng tích lũy, đầu tư chiều sâu, giảm thiểu lệ thuộc thâm dụng lao động, đón đầu làn sóng công nghệ lần thứ tư trong ứng dụng tự động hóa nguồn lực, thiết bị. Lợi thế lớn nhất của các hiệp định thương mại không phải là thuế suất nhập khẩu giảm mà chính là cơ hội để các doanh nghiệp Việt Nam chuyển đổi phương thức sản xuất kinh doanh, gia tăng giá trị. Có thể nói, ưu đãi thuế quan và sự thay đổi trong chính sách điều hành của chính phủ khi các hiệp định thương mại có hiệu lực là động lực thúc đẩy sự thay đổi trong doanh nghiệp Việt Nam để gia tăng tính cạnh tranh, đảm bảo sự tồn tại và phát triển trong tình hình mới.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH NĂM 2017

Lãi suất và lạm phát sẽ tăng do những yếu tố như chính sách lãi suất của Fed thay đổi, giá dầu được dự báo tăng trở lại, chính sách kinh tế ngắn hạn của Mỹ sẽ gây sốc sau khi Tổng Thống Donald Trump chấp chính (cụ thể như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, TPP đình trệ và các biện pháp bảo trợ sản xuất nội địa Hoa Kỳ, ...). Tuy nhiên chính sách bảo hộ sản xuất trong nước của ông Trump đối với ngành may không đáng ngại vì đây vốn là ngành thâm dụng lao động, vấn đề này chỉ đáng ngại trong trường hợp Hoa Kỳ nâng hàng rào thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu thì Việt Nam sẽ gặp khó trong việc cạnh tranh với các nước khu vực. Diễn biến tình hình chính trị tại EU diễn ra phức tạp, khó lường sau Brexit và phụ thuộc vào kết quả các cuộc bầu cử mới tại Đức, Pháp,... khả năng sẽ dẫn tới việc đồng Euro mất giá và những hệ quả kinh tế từ nợ xấu không thể cơ cấu lại tại Ý đến hệ thống ngân hàng, tài chính toàn Châu Âu; rủi ro khủng bố cũng là vấn nạn lớn tại khu vực này;

Diễn biến lộ trình hội nhập của 12 hiệp định thương mại song phương, đa phương và Cạnh tranh khu vực sẽ mang đến cơ hội cũng như thách thức đối với các Doanh nghiệp Việt Nam. Các FTA sẽ tạo hiệu ứng thúc đẩy giá trị thương mại hai chiều cũng như tạo động lực cải cách và tái cấu trúc nền kinh tế; tác động mạnh đến việc

nâng cao năng lực cạnh tranh hàng hóa, doanh nghiệp và cả điều hành của Chính phủ cho phù hợp xu thế hội nhập. Sự nỗ lực cải thiện, đổi mới tư duy, cách làm sẽ mang tính quyết định; Thu hoạch lớn nhất từ hội nhập lâu dài, bền vững là cơ hội chuyển đổi mô hình kinh doanh thương mại, gia tăng giá trị thặng dư mà các ưu đãi thuế quan là động lực thúc đẩy.

Tình hình thị trường ngành dự báo sẽ diễn biến phức tạp theo chiều hướng dao động, bất ổn do kinh tế toàn cầu chưa thật sự phục hồi cùng những tác động từ diễn biến tình hình chính trị, khủng bố, biến động,... phức tạp, khó lường;

DỰ BÁO TÌNH HÌNH NĂM 2017

Hoạt động sản xuất kinh doanh 2017 dự báo tiến hành trong bối cảnh thị trường xuất khẩu truyền thống không ổn định, khó lường. Xu hướng chuyển dịch các sản phẩm đơn giản từ Việt Nam sang các nước cạnh tranh khu vực sẽ ngày càng phổ biến, áp lực cạnh tranh trong nước sẽ mạnh hơn khi nguồn Cung tăng cao hơn Cầu, thị trường nội địa sẽ cạnh tranh khốc liệt khi dòng thuế nhập khẩu hàng may mặc từ các nước Asean, Trung Quốc giảm dần theo lộ trình bên cạnh sự thay đổi thói quen mua sắm của giới trẻ theo phương thức thương mại điện tử cũng góp phần gia tăng áp lực lên hệ thống phân phối truyền thống phổ biến hiện nay của các doanh nghiệp.

MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG

Từ thực tiễn sinh động trong thực hiện Chiến lược Nhiệm kỳ III vừa qua và diễn biến tình hình ngành cũng như nguồn lực của Công ty hiện nay, HĐQT thống nhất quan điểm phát triển, hiện thực hóa chiến lược với tiêu chí đánh giá là mục tiêu Lợi nhuận trước thuế 100 (một trăm) tỷ vào 2018 với các chiến lược và giải pháp cụ thể như sau:



GIA TĂNG GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

Tăng năng lực cho chiến lược sản phẩm hàm lượng kỹ thuật cao (gia tăng giá trị từ chất xám, kỹ năng/kỹ xảo, chất lượng sản phẩm, giá trị Nguyên phụ liệu,...)



HOÀN THIỆN BỘ MÁY SẢN XUẤT

Đầu tư, hoàn thiện mô hình sản xuất Lean 5S từ cơ sở hạ tầng đến nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm thiểu định phí, gia tăng hiệu quả kinh doanh và tuân thủ trách nhiệm xã hội.



HOÀN THIỆN QUY TRÌNH

Nâng cao hiệu quả FOB qua hoàn thiện qui trình và gia tăng thặng dư từ sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật và nguyên liệu giá trị cao bên cạnh việc định hình chuỗi Thiết kế - sản xuất - kinh doanh khép kín ODM/OBM.



XÂY DỰNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT

Hình thành mô hình sản xuất - dịch vụ/thương mại trên cơ sở lợi thế cạnh tranh và kinh nghiệm của Cty như: dịch vụ hỗ trợ - cung cấp trọn gói FOB; xây dựng và phát triển hệ thống nhà thầu phụ; dịch vụ quản lý và kiểm hàng kết hợp xây dựng/đánh giá hệ thống quản lý/TNXH; hợp tác phát triển chuỗi sản xuất - kinh doanh khép kín,... Với cơ cấu doanh thu sản xuất 70 - 75% và Dịch vụ/thương mại 25 - 30% vào 2018, tạo tiền đề tăng trưởng trong nhiệm kỳ 4.

GIẢI PHÁP TĂNG TRƯỞNG

Tiếp tục thực hiện chính sách “Thâm dụng đầu tư thay cho thâm dụng lao động”, từ đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị tự động, chất xám để hoàn thiện mô hình Lean 5S đến đầu tư nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp chiến lược phát triển năng lực sản xuất sản phẩm hàm lượng kỹ thuật cao

PHÂN BỐ
ĐẦU TƯ
NỘI BỘ

Hỗ trợ Ban điều hành triển khai thành công “7 Chương trình hành động” thực hiện mục tiêu lợi nhuận trước thuế 100 tỷ vào 2018

PHÂN BỐ
MỤC TIÊU

Tăng cường và đổi mới công tác xúc tiến phát triển Khách hàng và thị trường theo quan điểm “đa phương hóa thị trường/khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm” phục vụ chiến lược chuyển đổi “mô hình tăng trưởng” công ty

PHÁT TRIỂN
THỊ TRƯỜNG



PHÂN BỐ NGUỒN LỰC

Ưu tiên phân bổ nguồn lực trong thực hiện mô hình tăng trưởng, kể cả điều chỉnh, phân bổ chi phí, lợi nhuận khi đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực,...

QUẢN TRỊ RỦI RO

Quan tâm, chú trọng hơn trong quản trị rủi ro hoạt động sản xuất kinh doanh như rủi ro tỷ giá, lãi suất hay thị trường, Khách hàng.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

Tăng cường đầu tư công nghệ trong kiểm soát quá trình sản xuất – kinh doanh bên cạnh hệ thống quản lý, kiểm soát và xử lý rủi ro trong quá trình phát triển;





05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN
LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BĐH, BKS**



QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Lê Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT	443.620	2,85%
2	Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch HĐQT	384.530	2,47%
3	Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	817,910	5,26%
4	Nguyễn Thi Thu Hương	Thành viên HĐQT	29.610	0,19%
5	Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT	16.070	0,10%
6	Phan Thị Phượng	Thành viên HĐQT	3.940	0,03%
5	Lâm Quang Thái	Thành viên HĐQT	2.478.314	15,93%



HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiểu ban Chiến lược - Phát triển phối hợp với các Tiểu ban Đầu tư - Tài chính và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ thảo luận, thông qua các vấn đề sau:

- Nội dung chương trình Đại hội ĐCĐTN năm 2016 tổ chức vào ngày 27/4/2016;
- Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo Luật Doanh nghiệp 2014;
- Thống nhất giữ nguyên thành phần Ban Kiểm soát hiện tại cho đến hết nhiệm kỳ III (2018), Trưởng ban Kiểm soát lập tờ trình Đại hội cổ đông năm 2016 thông qua;
- Thống nhất phương án đầu tư giai đoạn 2, XN May Hà Lam và nguồn vốn tài trợ cho dự án;
- Thống nhất Chiến lược phát triển Công ty trong bối cảnh giao thoa hội nhập, là thông điệp hành động của HĐQT trước thêm vận hội mới, từ nay đến năm 2018;
- Giao Giám đốc Tài chính lập tờ trình xin ý kiến HĐQT về Hợp đồng nguyên tắc với các công ty thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của Ông Lâm Quang Thái, thành viên HĐQT Cty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn và Chi nhánh Blue Saigon LLC (tại Mỹ);

- Chủ trương phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ bổ sung vốn lưu động và phục vụ Chiến lược phát triển Cty đến năm 2018;
- Thống nhất tiếp tục đàm phán với Cty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hòa Lợi về việc hợp tác đầu tư và xác định thời gian hoàn tất thủ tục đầu tư đối với dự án 213 Hồng Bàng, Q5;
- Thống nhất xúc tiến thêm đối tác để hợp tác đầu tư đối với mặt bằng 332 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú;
- Thống nhất ủy quyền Chủ tịch HĐQT lập phương án hoạch định sử dụng mặt bằng hiện nay của Cty để đạt mức hiệu quả tối ưu;
- Thống nhất thành lập Tiểu ban Nhân sự để chuẩn bị nhân sự cấp cao cho nhiệm kỳ IV;
- Thống nhất bổ nhiệm cán bộ quản lý điều hành: Phó Tổng Giám đốc, phụ trách Kế hoạch - Kinh doanh nhằm từng bước hoàn thiện bộ máy quản lý điều hành Công ty;
- Thống nhất mục tiêu Chiến lược Công ty đến năm 2018, với chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt từ 100 tỷ đồng trở lên;
- Thống nhất phương án xử lý số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sau đợt chào bán cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu năm 2016;
- Thống nhất xúc tiến tìm đối tác để hợp tác đầu tư đối với mặt bằng 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp;
- Thống nhất tiếp tục đàm phán để đi đến hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Dệt Tường Long;
- Thống nhất chuyển giao Mô hình quản lý Lean 5S cho các đối tác và có chính sách đối với những người xây dựng, triển khai thực hiện;
- Tăng vốn Điều lệ của Cty do phát hành chào bán chứng khoán ra công chúng và sửa đổi Khoản 1 Điều 5 Điều lệ Cty do tăng vốn điều lệ theo uỷ quyền của Đại hội ĐCĐTN năm 2016;
- Đăng ký và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu chào bán chứng khoán ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRONG NĂM 2016, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ THẢO LUẬN VÀ THÔNG QUA NHỮNG VẤN ĐỀ SAU:

Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2015 và chỉ tiêu SXKD năm 2016 trình ĐHCĐ;

Thông qua Phân bổ lợi nhuận năm 2015; Phân bổ quỹ thưởng của HĐQT cho các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và cán bộ chủ chốt của Công ty;

Thông qua việc hoàn tất mua lại 49% phần vốn góp của Cty TNHH MTV Blue Exchange tại Cty TNHH Hai thành viên May Sài Gòn Xanh và được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh;

Thông qua việc hoàn tất tăng vốn đầu tư Chi nhánh Blue Saigon LLC tại Hoa Kỳ và được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép điều chỉnh tăng vốn;

Thông qua báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2016 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2016;

Giám sát chi trả 15% cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2015 và tạm ứng 15% cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2016 (cả 02 đợt theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu;

Giám sát phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ để bổ sung vốn lưu động; tỷ lệ phát hành: 3:1, giá phát hành: 15.000 đồng/cổ phiếu;

Thông qua báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2016 và kế hoạch quý 4/2016;



ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban điều hành Tổng Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về công tác quản trị, trong đó có 1 thành viên HĐQT và 1 thành viên Ban Kiểm Soát đã tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học. Các thành viên còn lại sẽ tiếp tục tham gia khi các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận có các khóa đào tạo phù hợp.

TRONG NĂM 2016, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ TỔ CHỨC 5 CUỘC HỌP, VÀ CẢ 7 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỀU CÓ MẶT ĐẦY ĐỦ. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ THÔNG QUA 14 NGHỊ QUYẾT NHƯ SAU:

Số TT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
1	08 / 16 / NQ-HĐQT	10/03/2016	QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT: Tổ chức Đại hội ĐCĐTN năm 2016 vào ngày 27/04/2016; ngày đăng ký cuối cùng 25/03/2016.
2	16 / N Q - HĐQT	06/05/2016	NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT: Blue Saigon LLC (Chi nhánh Cty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh tại Hoa Kỳ do Ông Nguyễn Ngọc Trung làm Giám đốc) có nhiệm vụ thực hiện Chiến lược phát triển Cty trong chuyển đổi mô hình và phương thức kinh doanh, góp phần chuẩn bị cho hội nhập khi TPP có hiệu lực. Chuẩn y nội dung Hợp đồng kinh doanh (nguyên tắc) giữa Cty CP SX - TM May Sài Gòn với Blue Saigon LLC.
3	17 / N Q - HĐQT	06/05/2016	NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT: HĐQT xác định SXKD hàng nội địa là giải pháp tình thế trong giải quyết cân đối năng lực sản xuất vào mùa vụ thấp điểm và quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh doanh – dịch vụ - thương mại của Cty. Thống nhất nội dung Hợp đồng kinh doanh (nguyên tắc) giữa Cty CP SX - TM May Sài Gòn với Các công ty thuộc sở hữu của Ông Lâm Quang Thái, thành viên HĐQT Cty CP SX - TM May Sài Gòn.
4	17A/NQ-HĐQT	06/05/2016	NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT: Thống nhất chọn đối tác Cty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hoà Lợi để hợp tác khai thác khu đất 213 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.HCM.
5	18 / N Q - HĐQT	11/05/2016	NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT: Thống nhất chọn đối tác Cty TNHH Thương mại Tổng hợp An Lạc để hợp tác khai thác khu đất 332 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM.
6	19 / Q Đ - HĐQT	06/06/2016	NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT: Thông qua phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để phục vụ SXKD của Cty (bổ sung vốn lưu động 58.205.340.000 đồng).

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

Số TT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
7	20/QĐ-HĐQT	06/06/2016	<p>NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT: Thông qua Hồ sơ đăng ký phát hành chứng khoán ra công chúng nộp UBCKNN.</p>
8	24/QĐ-HĐQT	04/07/2016	<p>NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT: Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết từ đợt phát hành chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để phục vụ SXKD của Cty: Thanh toán tiền mua nguyên phụ liệu: 32.205.340.000 VNĐ. Chi lương : 18.000.000.000 VNĐ. Chi phí gia công: 8.000.000.000 VNĐ.</p>
9	27/NQ-HĐQT	12/09/2016	<p>NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT: Quyết định chi trả 15% cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2015 và tạm ứng 15% cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2016 (cả 02 đợt theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu; dự kiến ngày đăng ký cuối cùng 26/9/2016 và thời gian chi trả cổ tức ngày 17/10/2016.</p>
10	28/NQ-HĐQT	12/09/2016	<p>NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT: Quyết định về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 55/GCN-UBCK ngày 08/9/2016 của UBCKNN, dự kiến ngày 26/9/2016.</p>



Số TT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
11	33/NQ-HĐQT/2016	07/11/2016	<p>Nghị quyết của HĐQT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu đến hết ngày 28/10/2016. - Thông qua danh sách phân bổ số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sau đợt chào bán cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu năm 2016, với giá chào bán 15.000 đồng/cổ phiếu.
12	34/16/NQ-HĐQT	09/11/2016	<p>NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT:</p> <p>Thống nhất mục tiêu Chiến lược Cty đến năm 2018, đạt chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế từ 100 tỷ đồng trở lên.</p>
13	38/2016/NQ-HĐQT	06/12/2016	<p>NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng vốn điều lệ của Cty từ 116.903.300.000 đồng lên 155.556.200.000 đồng, do phát hành chào bán chứng khoán ra công chúng (chào bán cho cổ đông hiện hữu). - Sửa đổi Khoản 1 Điều 5 Điều lệ Cty từ 116.903.300.000 đồng (11.690.330 cổ phần) lên 155.556.200.000 đồng (15.555.620 cổ phần).
14	39/2016/NQ-HĐQT	06/12/2016	<p>NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT:</p> <p>Thông qua việc đăng ký và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu chào bán chứng khoán ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 55/GCN-UBCK ngày 08/09/2016 của UBCKNN, với số lượng cổ phiếu đăng ký là 3.865.290 cổ phiếu (phổ thông), mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.</p>



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Lê Thị Chín	Trưởng Ban Kiểm soát	3.940	0,02%
2	Nguyễn Thị Hồng Liên	Kiểm soát viên	4.050	0,02%
3	Lâm Quan Kiều Phương	Kiểm soát viên	7.880	0,05%



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2016

- Trưởng Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Thông qua kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2015:
 - Báo cáo dự kiến kết quả hoạt động SXKD Công ty (số liệu chưa kiểm toán), phân tích cơ cấu thị trường, khách hàng và giải pháp chỉ đạo trong năm.
 - Báo cáo tạm ứng thù lao HĐQT, Ban KS và phân bổ quỹ thưởng HĐQT theo kết luận phiên họp tháng 4/2015.
 - Hợp nhất Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh, phương án đầu tư giai đoạn 2 Xí nghiệp May Hà Lam, tăng vốn Blue Saigon LLC, phương án đầu tư khai thác dự án 213 Hồng Bàng.
- Chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
- Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông 2016:
 - Bổ nhiệm cán bộ quản lý điều hành: Phó Tổng Giám đốc, phụ trách Kế hoạch - Kinh doanh nhằm từng bước hoàn thiện bộ máy quản lý điều hành Công ty;
 - Mục tiêu Chiến lược Công ty đến năm 2018, với chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt từ 100 tỷ đồng trở lên
 - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD hợp nhất (số liệu đã kiểm toán) 6 tháng đầu năm 2016.
 - Chi trả 15% cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2015 và tạm ứng 15% cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2016 cho cổ đông hiện hữu;

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Ngày 04/05/2016 Trưởng ban Kiểm soát và 01 thành viên Ban Kiểm soát tham gia kiểm phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng(phát hành cho cổ đông hiện hữu),tăng vốn điều lệ để bổ sung vốn lưu động dự kiến tăng 3.880.356 CP, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
- Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ để bổ sung vốn lưu động; tỷ lệ phát hành: 3:1, giá phát hành: 15.000 đồng/cổ phiếu.

HOẠT ĐỘNG KHÁC

- Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên.
- Thông qua (luật doanh nghiệp mới): Trưởng Ban Kiểm soát là người chuyên trách, thành viên Ban KS là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.
- Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát 6 tháng đầu năm 2016.
- Thông qua báo cáo kết quả SX.KD 9 tháng và kế hoạch còn lại năm 2016.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG THƯỞNG THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức vụ	2016
			Lương, phúc lợi và các khoản thù lao
1	Hội đồng quản trị		
	Lê Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT	1.431.534.100
	Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc	2.206.985.658
	Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	100.834.471
	Nguyễn Thi Thu Hương	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	1.169.104.065
	Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT Giám đốc tài chính	1.205.292.602
	Phan Thị Phượng	Thành viên HĐQT	100.834.471
	Lâm Quang Thái	Thành viên HĐQT	100.834.471
2	Ban kiểm soát		
	Lê Thị Chín	Trưởng Ban Kiểm soát	53.070.774
	Nguyễn Thị Hồng Liên	Kiểm soát viên	520.489.884
	Lâm Quan Kiêu Phương	Kiểm soát viên	26.535.387
3	Ban điều hành		
	Đỗ Thị Kim Nhàn	Phó Tổng Giám đốc	866.010.572
	Lê Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	357.379.163

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2016, không có phát sinh giao dịch liên quan đến các thành viên chủ chốt (Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng).

Năm 2016, Công ty có phát hành cổ phiếu để tăng vốn, việc này đã dẫn đến việc thay đổi sở hữu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
A Hội đồng quản trị							
1	Lê Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT	329.755	2,82	443.620	2,85	Tăng do mua CP phát hành thêm.
Người có liên quan							
1.1	Tống Nữ Hoài Hương	Vợ	616	0,00	821	0,00	Tăng do mua CP phát hành thêm.
2	Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch HĐQT	285.441	2,44	384.530	2,47	Tăng do mua CP phát hành thêm.
3	Nguyễn Thị Thu Hương	TV.HĐQT	19.247	0,16	29.610	0,19	Tăng do mua CP phát hành thêm.
4	Nguyễn Minh Hằng	TV.HĐQT	9.079	0,07	16.070	0,10	Tăng do mua CP phát hành thêm.
5	Phan Thị Phượng	TV.HĐQT	-	-	3.940	0,02	Tăng do mua CP phát hành thêm.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ (TT)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
5.1	Công ty TNHH MTV Dệt May Gia Định		1.173.289	10,04	1.564.385	10,06	Tăng do mua CP phát hành thêm.
6	Lâm Tử Thanh	TV.HĐQT	392.070	3,35	817.910	5,26	Tăng do mua CP phát hành thêm.
7	Lâm Quang Thái	Cổ đông lớn - TV.HĐQT	1.826.996	15,63	2.478.314	15,93	Tăng do mua CP phát hành thêm.

B Ban Kiểm soát

1	Lê Thị Chín	Trưởng Ban KS	-	-	3.940	0,02	Tăng do mua CP phát hành thêm.
2	Nguyễn Thị Hồng Liên	TV.Ban KS	81	0,00	4.050	0,02	Tăng do mua CP phát hành thêm.
3	Lâm Quan Kiều Phương	TV.Ban KS	2	0,00	7.880	0,05	Tăng do mua CP phát hành thêm.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ (TT)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	

C Ban Tổng Giám đốc

1	Nguyễn Ân	Tổng Giám đốc	Xem phần HĐQT				
2	Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Xem phần HĐQT				
3	Lê Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	9	0,00	3.950	0,02	Tăng do mua CP phát hành thêm.

D Giám đốc Tài chính

1	Nguyễn Minh Hằng		Xem phần HĐQT				
---	------------------	--	---------------	--	--	--	--

E Kế toán trưởng

1	Nguyễn Minh Hằng		Xem phần HĐQT				
---	------------------	--	---------------	--	--	--	--

G Người công bố thông tin

1	Nguyễn Minh Hằng		Xem phần HĐQT				
---	------------------	--	---------------	--	--	--	--

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2016 phát sinh các giao dịch giữa công ty với công ty con, giữa công ty với chi nhánh của công ty con như sau:

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty
1	Công Ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con	Giao dịch liên quan đến gia công hàng may mặc; nhượng bán nguyên phụ liệu, thuê và bán máy móc thiết bị; thuê nhà xưởng năm 2015, 2016.
2	Công Ty TNHH May Sài Gòn Xanh	Công ty con	Giao dịch liên quan đến gia công hàng may mặc; nhượng bán nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị từ năm 2015, 2016

Giao dịch giữa công ty với công ty con là giao dịch liên quan đến gia công hàng may mặc; nhượng bán nguyên phụ liệu, thuê và bán máy móc thiết bị; thuê nhà xưởng là giao dịch phát sinh thường xuyên, tuân thủ theo quy định tại điều lệ Công ty và Luật Doanh Nghiệp.

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KS, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH LÀ THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Giao Dịch với công ty	Chi chú
1	Blue Saigon LLC	Chi nhánh của Công ty con TNHH May Sài Gòn Xanh; Ông: Nguyễn Ngọc Trung Giám đốc Chi Nhánh là người có liên quan đến Ông Nguyễn Ân - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc công ty	Giao dịch liên quan đến gia công hàng may mặc; nhượng bán nguyên phụ liệu từ năm 2014 đến nay được phản ánh trong các Báo cáo tài chính và gần nhất là trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014,2015; và năm 2016	Nghị Quyết 1 6 / N Q - HĐQT ngày 06/05/2016 vẫn còn có hiệu lực cho đến khi có văn bản mới thay thế.



GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI ĐỐI TƯỢNG KHÁC (GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH ĐÃ VÀ ĐANG LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC THÀNH VIÊN HĐQT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Giao Dịch với công ty
1	Công Ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con; Ông: Nguyễn Ân, Thành viên HĐQT là Chủ Tịch Công Ty	Giao dịch giữa liên quan đến gia công hàng may mặc; nhượng bán nguyên phụ liệu, thuê và bán máy móc thiết bị; thuê nhà xưởng từ năm 2014 đến nay được phản ánh trong các Báo cáo tài chính và gần nhất là trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014,2015; và năm 2016
2	Công Ty TNHH May Sài Gòn Xanh	Công ty con Ông: Lê Quang Hùng - CTHĐQT công ty là Giám Đốc công ty	Giao dịch liên quan đến gia công hàng may mặc; nhượng bán nguyên phụ liệu, bán máy móc thiết bị từ năm 2014 đến nay được phản ánh trong các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014,2015; năm 2016
3	Công Ty TNHH MTV Blue Exchange	Ông Lâm Quang Thái - TV HĐQT là chủ sở hữu của các công ty này	Giao dịch liên quan đến mua bán sản phẩm hàng may mặc từ 2014 đến nay được phản ánh trong các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014,2015; năm 2016
4	Công Ty TNHH MTV Con Đường Xanh Quảng Nam		Giao dịch liên quan đến mua bán sản phẩm hàng may mặc, nguyên phụ liệu từ 2014 đến nay được phản ánh trong các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014,2015; năm 2016
5	Công Ty TNHH MTV Con Đường Xanh		Giao dịch liên quan đến mua bán sản phẩm hàng may mặc, nguyên phụ liệu từ 2014 đến nay được phản ánh trong các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014,2015; năm 2016
6	Công Ty TNHH May Mặc Cây Dừa		Giao dịch mua bán nguyên phụ liệu năm 2015, 2016 được phản ánh trong các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015; năm 2016
7	Công Ty TNHH Trà Tân		Giao dịch liên quan đến gia công hàng may mặc từ 2015 đến nay được phản ánh trong các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015; năm 2016

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tham gia thị trường chứng khoán từ năm 2006, Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty.



06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

ue of all subdivisions

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn và các công ty con (dưới đây gọi tắt là "Tập đoàn") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn ("Công ty Mẹ") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản Xuất - Xuất Nhập Khẩu May Sài Gòn theo quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 05 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 0300742387, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 19 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của công ty Mẹ đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP HCM từ ngày 22 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là GMC.

2. Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Hùng	Chủ tịch	31/12/2003	-
Ông Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch	31/12/2003	-
Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên	16/04/2009	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	04/08/2010	-
Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên	12/04/2014	-
Ông Lâm Quang Thái	Thành viên	12/04/2014	-
Bà Phan Thị Phương	Thành viên	12/04/2014	-

Ban kiểm soát:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Chin	Trưởng ban	15/04/2009	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên	15/04/2009	-
Bà Lâm Quang Kiều Phương	Thành viên	12/04/2014	-

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Ban Tổng Giám đốc:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ân	Tổng Giám đốc	31/12/2003	-
Bà Đỗ Thị Kim Nhan	Phó Tổng Giám đốc	31/12/2003	26/09/2016
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	31/12/2003	-
Bà Lê Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	12/08/2016	-
Bà Nguyễn Minh Hằng	Giám đốc tài chính	17/06/2014	-

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của công ty Me trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Nguyễn Ân	Việt Nam	Tổng Giám đốc

3. Trụ sở

Trụ sở chính của công ty Me được đặt tại 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty Me có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp May Bình Tiên	55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
2	Xí Nghiệp May Tân Phú	332 Lý Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
3	Xí Nghiệp May An Phú	14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
4	Xí Nghiệp May An Nhơn	252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn bị phát sinh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì hệ thống soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn.
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yếu tố cần phải công bố và giải thích trung báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin (theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính và việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán).

8. Ý kiến của Hội đồng quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Tập đoàn, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



LÊ QUANG HÙNG

Chu tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

PKF Việt Nam

PKF

Accountants &
Business AdvisorsSố 00 /2017/BCKT-PKF MN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông,
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn") được lập ngày 15 tháng 03 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 45 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro cơ sở sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình mục tiêu. Sự thiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP *(tiếp theo)*

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 30 tháng 03 năm 2016.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



NGUYỄN HỒNG QUANG
 Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0576-2015-242-1

TÔ HỮU TOÀN
 Kiểm toán viên
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1201-2016-242-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 (trình bày lại) VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		628.853.301.952	615.643.774.120
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	104.277.219.892	51.781.890.649
1. Tiền	111		104.277.219.892	51.781.890.649
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		266.064.834.495	302.805.875.100
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	245.023.077.023	239.154.405.097
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	15.368.294.418	18.141.534.173
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	5.673.463.054	45.609.936.830
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	227.458.893.180	233.854.327.383
1. Hàng tồn kho	141		227.458.893.180	233.854.327.383
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.052.354.385	27.101.680.988
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	5.658.989.464	999.518.206
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.14	25.393.364.921	26.093.428.782
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	-	8.736.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 (trình bày lại) VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		264.614.610.125	220.886.207.994
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		26.424.000	305.108.361
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	25.728.361
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	26.424.000	279.380.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		195.096.790.559	156.477.415.861
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.8	190.137.068.753	150.742.468.031
- Nguyên giá	222		340.445.430.425	281.620.334.733
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(150.308.361.672)	(130.777.866.702)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.7	4.958.721.806	5.734.947.830
- Nguyên giá	228		6.698.538.955	6.153.653.866
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.739.817.149)	(418.706.025)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.863.383.000	15.605.652.407
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	11.863.383.000	15.605.652.407
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		18.243.502.000	16.509.757.800
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.9	4.341.000.000	4.341.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	17.314.330.000	17.314.330.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.10	(3.411.828.000)	(3.145.572.200)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		29.385.510.566	30.000.273.566
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	29.385.510.566	30.000.273.566
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.19	-	-
3. Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		883.467.912.077	836.541.982.114

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 (trình bày lại) VND
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		604.955.187.853	581.820.068.334
I. Nợ ngắn hạn	310		553.573.538.033	578.942.057.493
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	91.752.020.684	93.928.426.264
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	7.513.986.558	6.147.808.506
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	3.989.119.916	8.547.489.355
4. Phải trả người lao động	314	5.15	100.976.214.696	83.236.916.982
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	6.343.205.919	6.780.390.905
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo liên độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	21.462.201.507	1.891.210.580
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	298.742.756.337	362.044.331.925
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	22.795.032.536	18.365.482.976
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		51.381.649.820	2.878.010.841
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	45.055.135.228	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.19	6.326.514.592	2.878.010.841
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 (trình bày lại) VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		278.512.724.224	254.721.913.780
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	278.512.724.224	254.721.913.780
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.556.200.000	116.903.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.556.200.000	116.903.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.314.842.370	9.138.322.370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(863.138.686)	(863.138.686)
6. Chính lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chính lệch tỷ giá hối đoái	417		(537.935.735)	37.627.601
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		67.859.802.989	56.663.245.987
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.182.853.286	45.162.179.723
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		2.809.740.854	2.767.904.072
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		25.373.112.432	42.394.275.651
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	27.490.176.785
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		883.467.912.077	836.541.982.114





TRẦN THỊ THU TRÂM
 Người lập biểu

NGUYỄN MINH HẰNG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN ÂN
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết Minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 (trình bày lại) VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.618.311.584.240	1.504.057.829.976
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.432.874.608	1.992.563.765
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.611.378.709.632	1.502.065.276.211
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.336.254.164.087	1.249.640.731.801
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		275.124.545.565	252.424.544.610
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	9.721.987.402	21.562.647.866
Chi phí tài chính	22	6.4	18.607.441.721	24.039.661.530
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.270.690.113	6.324.166.678
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	46.979.794.836	35.648.681.130
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	146.299.438.422	136.581.571.162
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		70.959.857.988	77.717.478.664
Thu nhập khác	31	6.7	4.787.330.226	4.460.116.262
Chi phí khác	32		31.452.765	9.244.475
Lợi nhuận khác	40		4.735.877.441	4.440.871.787
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.695.735.429	82.168.350.451
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	11.261.203.031	18.747.635.281
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.9	3.448.503.751	3.280.984.434
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		60.986.028.647	60.129.530.726
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		60.986.028.647	63.467.806.633
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	5.21	-	(3.328.275.807)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	6.146	4.320






TRẦN THỊ THU TRÂM
 Người lập biểu

NGUYỄN MINH HẰNG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN ÂN
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	75.665.735.429	32.158.350.461
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	22.631.728.950	19.671.339.221
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	266.258.890	(40.892.400)
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.457.767.548	649.441.661
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(462.110.376)	11.262.149.686
- Chi phí lãi vay	06	9.270.690.113	6.324.168.678
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	110.760.664.482	106.399.658.013
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	4.752.038.065	(123.260.223.522)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	6.356.434.203	(46.466.024.533)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	31.714.316.845	24.208.601.026
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(1.982.384.383)	597.998.410
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.826.960.016)	(6.324.168.678)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.389.106.205)	(17.132.335.901)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(26.006.038.522)	(27.897.095.697)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	102.618.272.479	(88.525.588.772)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(61.372.220.485)	(39.907.413.206)
2. Tiền đầu tư thành lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	32	1.647.253.613	631.452.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu nội cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	35	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	269.315.883	731.297.315
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(59.065.645.569)	(38.644.663.618)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	67.829.520.000	11.174.040.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.100.943.669.702	954.853.435.641
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.124.139.115.605)	(710.049.253.168)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	36	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	38	(34.823.210.000)	(34.811.430.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(288.136.163)	138.016.785.823

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	52.463.490.807	11.846.533.433
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	51.781.890.649	39.968.106.554
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	31.838.436	(32.749.338)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	104.277.219.892	51.781.890.649

TRẦN THỊ THU TRÂM
Người lập biểu

NGUYỄN MINH HẰNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN ẪN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn ("Công ty Mẹ") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản Xuất Xuất Nhập Khẩu May Sài Gòn theo quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 05 tháng 05 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300742387, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 07 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 19 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Tập đoàn đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP HCM từ ngày 22 tháng 12 năm 2015 với mã chứng khoán là GMC.

Số lượng cổ phiếu: 15.555.629 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của công ty Mẹ như sau:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại.
- Đại lý, môi giới, đầu giá. Chi tiết: Môi giới thương mại.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may.
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, kinh doanh nhà, cho thuê xưởng.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may.
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn quản lý kinh doanh, kinh doanh dịch vụ gian nhận hàng xuất khẩu nhập khẩu.
- Sản xuất vật liệu kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Chi tiết: Công nghiệp dệt len các loại.
- Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết: Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động lại (trừ sữa).
- Sản xuất vải dệt thoi. Chi tiết: Công nghiệp dệt vải và các loại.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải.
- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao.
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, hoạt động chính của công ty Mẹ là gia công, sản xuất các sản phẩm may mặc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc của Tập Đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty Mẹ, hai công ty con và một công ty liên kết, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đầy đủ.

Công ty Mẹ

Công ty Mẹ có bốn đơn vị trực thuộc với thông tin chi tiết như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp May Bình Tiên	55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh
2	Xí Nghiệp May Tân Phú	332 Lý Bân Bích, Phường Hòa Thành, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
3	Xí Nghiệp May An Phú	14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
4	Xí Nghiệp May An Nhơn	262 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Công ty con

Công ty TNHH May Tân Mỹ ("Tân Mỹ"), trong đó công ty Mẹ nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu, được thành lập tại Việt Nam, là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500816493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 29 tháng 05 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 ngày 26 tháng 12 năm 2013. Trụ sở đăng ký của Tân Mỹ đặt tại Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Hắc Diem, ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hoạt động chính của Tân Mỹ là may mặc.

Công ty TNHH Một thành viên May Sài Gòn Xanh ("Sài Gòn Xanh") (Tên cũ là Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh), trong đó công ty Mẹ nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu, được thành lập tại Việt Nam, là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0111908626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 08 năm 2012, và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 3 ngày 25 tháng 12 năm 2016. Trụ sở đăng ký của Sài Gòn Xanh đặt tại số 262 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Sài Gòn Xanh là may mặc.

Sài Gòn Xanh có một chi nhánh trực thuộc và một công ty con hoạt động tại nước ngoài chi tiết như sau:

- Đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp may Hà Lam tọa lạc tại Lô B/B2 Cụm CN Hà Lam – Chợ Được, xã Bình Phước, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ	Số 11100 đường Valley Boulevard, Phòng 222 thành phố El Monte, tiểu bang California, mã số bưu điện CA91731, Hoa Kỳ	Hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 584/BKHĐT-ĐTRNN ngày 02 tháng 11 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, thay đổi lần thứ nhất số 2015/0059 ngày 08 tháng 11 năm 2015. Công ty đầu tư 100% vốn để thành lập Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ (Hua Saigon L.L.C) với vốn đầu tư 900.000 USD tương đương 13.078.058.000 VND	100%

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Phú Mỹ ("Phú Mỹ") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty Mẹ đầu tư vào Phú Mỹ là 4.341.000.000 VND, tương đương 32,47% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Phú Mỹ là kinh doanh hàng dệt may, kỹ thuật khí công nghiệp và cung cấp ngoài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chó năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 4.270 người (31/12/2015: 4.372 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của công ty mẹ và các công ty con bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty Mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do công ty Mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty Mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tương hưởng hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tại cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và cộng trừ chênh tăng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định với tỷ lệ phần trăm của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và cộng trừ chênh tăng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được trình bày như sau trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi có thông tin tài chính đáng tin cậy. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất lại thành đầu tư thuần của Tập đoàn tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Báo Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo và công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thị hội hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro từ trung chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn VNIJ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục liên hệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục liên hệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục liên hệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại sẽ do tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh học nhất.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ của Công ty con ở nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo và chi áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cập nhật tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

- c. Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Tập đoàn được trình bày tại chi tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại chi tiêu "Lợi ích cổ đông không kiểm soát".

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết cuối kỳ được tính toán bộ chia Tập đoàn và được ghi nhận vào chi tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nộp thuế khi công ty con ở nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư bằng cổ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và số giá trị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá trị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) là giá giao dịch bình quân trên thị trường tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngưng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (thị trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực cơ nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Tập đoàn và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã qua hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị tranh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được trạng thái sẵn sàng để bán và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được trạng thái sẵn sàng để bán.

Tập Đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 09 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hiểm sản phẩm, hàng hóa, sống trong kỳ lập tại doanh nghiệp.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bằng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất trực tiếp phát sinh cũng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định, các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được lập cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (ti) với như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	Số năm 10 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, máy móc dân	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 06

4.10 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định, các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

Giấy phép và giấy nhượng quyền

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị giấy phép biên giới hệ thống an ninh mạng và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 04 - 08 năm.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được kết chuyển ghi tăng tài sản cố định khi rằng trình toán thành, việc nghiệm thu lỏng thể đã thực hiện xong, tài sản cố định được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Tập đoàn và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn,
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.13 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương, các khoản lương thưởng theo năng suất và phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

4.14 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương căn bản công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương căn bản công nhân viên là 1.5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương căn bản công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

4.17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty Mẹ như sau:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Tập đoàn. Quỹ này được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được sử dụng cho việc khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Quỹ này được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

4.18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của công ty Mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến lượng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.19. Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trước ngày 01 tháng 01 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn bao gồm cả số phần bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn được xác định sau khi trừ đi khoản phần bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chu kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

4.20 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định (hoặc ước tính) chắc chắn;
- (d) Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đã được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hóa đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đầy đủ.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập (lợi nhuận) thành lịch sổ và lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào bản cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bỏ bù khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp, và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong cùng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Đặc báo căn thuế của công ty mẹ và các công ty con sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của bản cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.22 Bản cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh (khu vực kinh doanh) là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng là một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận kinh doanh địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế tự thể mà bộ phận này đã chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với cáo báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

4.23 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT
Công ty TNHH Con đường xanh Quảng Nam	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT
Công ty TNHH B&O	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT
Công ty TNHH May Mặc Cây Dừa	Việt Nam	Công ty có liên quan
Công ty TNHH Con đường xanh	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT
Công ty TNHH Trà Tân	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT

(tiếp)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	1.846.970.711	1.572.935.468
Tiền gửi ngân hàng	102.631.248.181	50.478.995.183
- VND	1.874.797.581	3.987.347.251
- USD	100.681.681.289	46.413.329.251
- EUR	74.590.311	78.318.681
	467.647.619.893	51.784.998.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng		
USD	4.435.311,07	100.681.561.289
EUR	3.140,45	74.890,311

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng – bên thứ ba		
- Công ty Columbia Sportswear Company	51.461.095.447	48.902.041.531
- Công ty Promiles S.N.C	78.705.309.021	70.104.491.921
Các khoản phải thu khách hàng khác	28.178.578.517	12.034.583.799
Phải thu khách hàng - bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Blue Exchange	47.070.487.768	52.144.115.501
- Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam	24.078.110.358	38.573.373.681
- Công ty TNHH May mặc Cây dứa	15.529.517.914	16.495.218.365
	245.023.077.023	239.154.405.097
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Giá trị thuần	245.023.077.023	239.154.405.097

Tất cả khoản phải thu tại mọi thời điểm không thấp hơn 1.000.000 USD là giá trị tài sản thế chấp tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) để đảm bảo cho mỗi khoản tiền ích với tổng giá trị tương đương 1.000.000 USD theo quy định tại Hợp đồng thế chấp số VNM 080613/MR, ngày 31/10/2008 (xem thuyết minh 5.18).

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	2.037.826.437	2.037.826.437
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Bình Phú	5.509.967.380	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bảy sao vàng	-	7.339.607.500
Các nhà cung cấp khác	7.820.710.801	8.764.300.236
	15.368.294.418	18.141.534.173

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	-	-	42.140.000.000	-
Phải thu khác				
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	2.454.003.917	-	2.754.741.905	-
Tạm ứng nhân viên	600.055.137	-	288.244.172	-
Phải thu khác	2.518.404.000	-	428.349.750	-

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Kỳ quỹ dài hạn	59.424.000	-	279.380.000	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	118.773.348.037	-	137.289.574.128	-
Công cụ, dụng cụ	1.353.921.304	-	1.848.158.897	-
Giá trị sản phẩm dở dang	1.895.182.911	-	1.955.632.565	-
Thành phẩm	68.370.612.466	-	78.493.654.738	-
Hàng hóa	37.266.628.462	-	14.267.309.056	-
Cộng hàng tồn kho	227.468.893.180	-	233.854.327.383	-

Trong đó, Tổng giá trị của hàng hóa trong kho 282 Nguyễn Văn Lương, phường T7, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh tại mọi thời điểm không được thấp hơn 1.000.000 USD để đảm bảo cho khoản thế chấp trị giá 1.000.000 USD tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) đảm bảo cho khoản vay quy định tại Bản sửa đổi lần thứ 3 của hợp đồng thế chấp số VNM 100291/MS ngày 20/7/2015 (xem thuyết minh 5.18)

5.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và Thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2018	143.043.499.933	117.625.295.604	9.905.386.806	10.950.190.490	281.524.334.733
Mua mới	1.839.887.506	15.643.369.924	1.310.203.637	2.240.859.652	20.734.922.719
Tăng do XDCB	40.477.950.993	109.431.254	-	110.852.277	40.598.334.524
Thanh lý	-	(2.138.983.090)	-	(375.400.865)	(2.514.363.945)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	2.242.410	2.242.410
Tại 31/12/2018	185.161.138.432	131.038.104.586	11.315.590.443	12.819.054.964	340.445.430.425
GIÁ TRỊ HẠO MÔN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2018	43.422.272.090	73.021.944.219	5.658.869.767	7.614.760.028	130.717.866.702
Khấu hao	4.781.941.352	13.725.822.518	1.185.553.384	1.449.132.888	21.159.147.702
Thanh lý	-	(1.358.795.350)	-	(271.898.613)	(1.628.671.972)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(80.760)	(80.760)
Tại 31/12/2018	48.204.194.532	85.428.969.376	7.824.423.151	8.852.025.543	160.308.361.672
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2018	99.621.227.843	44.603.351.385	3.336.517.039	3.285.370.462	150.742.468.081
Tại 31/12/2018	136.957.223.899	45.611.103.209	3.491.127.292	4.067.029.421	180.157.068.021

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết vẫn nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 với giá trị 79.671.056.410 VND (01/01/2018: 87.395.979.688 VND)

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.18, Công ty đã thế chấp một số máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.594.121.531 VND (01/01/2018: 4.971.963.266 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng. Tại ngày phát hành báo cáo này, khoản vay này đã được thanh lý, tuy nhiên các tài sản cố định này vẫn chưa được giải chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND	Giấy phép nhượng quyền VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	6.002.635.673	151.019.182	6.153.653.855
Mua mới	2.652.492.850	-	2.652.492.850
Chênh lệch tỷ giá	7.422.250	-	7.422.250
Giảm trong năm	(2.115.030.000)	-	(2.115.030.000)
Tại ngày 31/12/2016	6.547.520.773	151.019.182	6.698.538.955
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	521.015.125	97.690.800	418.706.025
Khấu hao trong năm	1.660.242.323	28.713.633	1.588.955.956
Giảm trong năm	(269.081.632)	-	(269.081.632)
Chênh lệch tỷ giá	1.237.000	-	1.237.000
Tại ngày 31/12/2016	1.613.412.616	126.404.633	1.739.817.149
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	5.681.620.548	53.327.282	5.734.947.830
Tại ngày 31/12/2016	4.934.108.157	24.613.649	4.958.721.806

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2016 với giá trị 22.302.783 VND (01/01/2016: 22.302.783 VND).

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình	Số dư tại ngày 01/01/2016 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ, chi phí VND	Số dư tại ngày 31/12/2016 VND
Tiền đất lại 213 Hồng Bàng	10.020.000.000	-	-	10.020.000.000
Chi phí thực hiện dự án Xi nhiệt Máy Tân Mỹ tại Cụm Công nghiệp Hắc Dịch	1.843.363.000	-	-	1.843.363.000
Chi phí sửa chữa, cải tạo tại An Nhơn	147.613.497	277.737.338	(425.371.293)	-
Chi phí xây dựng mở rộng tại văn phòng Công ty	341.738.254	(100.391.497)	(241.346.757)	-
Chi phí xây dựng mở rộng Xưởng Máy An Phú	3.164.612.711	360.751.072	(3.525.363.783)	-
Chi phí xây dựng xưởng may Hà Lam Giai đoạn 2	88.304.546	33.588.099.565	(33.676.404.110)	-
Hệ thống phòng cháy chữa cháy	-	3.400.531.958	(3.400.531.958)	-
	15.605.652.407	37.526.748.434	(41.269.017.841)	11.863.383.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5.9 Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty cổ phần Phú Mỹ	4.341.000.000	4.341.000.000

Công ty Cổ Phần Phú Mỹ ("Phú Mỹ") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty Mẹ đầu tư vào Phú Mỹ là 4.341.000.000 VND tương đương 32,47% vốn đầu tư. Hoạt động chính của Phú Mỹ là kinh doanh hàng lông kỹ thuật khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Phú Mỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vẫn chưa chính thức phê duyệt bởi Hội đồng quản trị của công ty liên kết, do đó phần lãi/lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết vẫn chưa được xác định một cách chắc chắn, do đó chưa được ghi nhận.

5.10 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016				01/01/2016			
	Số cổ phiếu	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số cổ phiếu	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND
Công ty Cổ Phần dệt may Segara	48.166	1.919.150.000	-	1.919.150.000	48.166	1.919.150.000	-	1.919.150.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt P	796.866	3.998.060.000	(3.013.775.000)	984.275.000	796.866	3.998.060.000	(3.013.775.000)	984.275.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	25.268	1.269.730.000	(399.053.000)	870.677.000	25.268	1.269.730.000	(399.053.000)	870.677.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Gia Bình	843.960	10.127.400.000	-	10.127.400.000	843.960	10.127.400.000	-	10.127.400.000
	1.164.226	17.314.330.000	(3.412.828.000)	13.901.502.000	1.164.226	17.314.330.000	(3.412.828.000)	13.901.502.000

5.11 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.11.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí thiết kế Webvest	2.837.318.400	-
Chi phí mẫu sản phẩm	1.601.253.914	-
Chi phí in quảng cáo	406.534.754	-
Chi phí khác	813.682.396	999.516.206
	5.658.789.464	999.516.206

5.11.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	3.304.029.738	3.469.774.137
Tiền thuê đất	15.498.340.112	15.680.172.738
Máy móc thiết bị không đủ điều kiện TSCĐ	6.609.967.046	9.471.330.680
Phần mềm máy vi tính	2.805.550.003	-
Chi phí khác	1.267.623.667	1.798.998.110
	29.385.510.566	30.000.275.665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan				
Công ty Cổ Phần Phú Mỹ	3.878.088.972	3.878.088.972	4.341.000.000	4.341.000.000
Công ty TNHH MTV Blue exchange	-	-	514.647.000	514.647.000
Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam	1.246.584.250	1.246.584.250	1.099.594.062	1.099.594.062
Công ty TNHH Trà Tân	79.226.400	79.226.400	103.361.207	103.361.207
Công ty TNHH Con đường xanh	109.903.705	109.903.705	109.903.705	109.903.705
Công ty TNHH May Mặc Cây Dừa	195.239.000	195.239.000	195.239.000	195.239.000
Các tổ chức và cá nhân khác				
Công ty Desipro Pte. Ltd	21.443.388.881	21.443.388.881	15.987.939.469	15.987.939.469
Công ty Ní Tejan Shoji	23.130.460.266	23.130.460.266	21.318.818.587	21.318.818.587
Công ty TNHH YKK Việt Nam	5.994.901.494	5.994.901.494	8.182.610.973	8.182.610.973
Các nhà cung cấp khác	35.659.229.796	35.659.229.796	42.095.312.241	42.095.312.241
	91.752.020.564	91.752.020.564	93.928.426.264	93.928.426.264

5.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Seeland International A/A	5.800.063.474	5.598.202.322
Hampshire group Ltd	1.750.924.048	-
Các khách hàng khác	153.003.038	148.605.694
	7.613.986.556	6.147.808.506

5.14. Thuế**5.14.1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	01/01/2016	Số phát sinh trong năm		31/12/2016
		Phải thu VND	Số phải nộp Số đã nộp/ Kết chuyển VND	
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	26.093.428.782	56.675.386.155	67.375.450.016	25.393.364.921
Thuế tài nguyên	8.736.000	3.494.400	12.230.400	-
	26.102.164.782	60.169.880.555	67.387.680.416	25.393.364.921

5.14.2. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước

	01/01/2016	Số phát sinh trong năm		31/12/2016
		Phải nộp VND	Số phải nộp Số đã nộp/ Kết chuyển VND	
Thuế giá trị gia tăng	1.649.393.903	24.077.742.679	24.994.477.259	726.550.323
Thuế nhập khẩu	-	222.550	222.550	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.424.726.733	11.261.203.031	14.389.106.305	1.296.833.559
Thuế thu nhập cá nhân	2.182.134.425	4.802.752.336	5.123.681.150	1.511.209.615
Thuế tài nguyên	-	6.835.000	6.830.000	-
Tiền thuế đất	364.177.608	7.612.178.728	7.876.354.835	-
Thuế môn bài	-	15.000.000	15.000.000	-
Thuế nhà thầu	23.146.582	605.160.725	433.805.988	24.521.419
	8.547.489.355	48.280.093.049	52.838.462.448	3.989.119.816

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.***5.15 Phải trả người lao động**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền lương và các khoản thưởng phải trả cho người lao động.	100.875.214.696	83.236.916.982

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí phải trả hàng FOB	323.823.550	518.482.516
Tiền lương phép năm	4.589.628.309	4.408.618.240
Thời chi phí lãi vay	443.740.097	-
Phải trả khác	986.113.963	1.852.790.149
	6.343.205.919	6.780.390.305

5.17 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Kinh phí công đoạn các loại hàng nhiễm	2.251.135.707	1.521.637.061
Công ty TNHH TM TH An Lạc	9.800.000.000	-
Công ty CP Đầu tư TM & DV Hòa Lợi	9.000.000.000	-
Phải trả khác	411.065.800	369.573.529
	21.462.201.507	1.891.210.590

5.18 Vay và nợ thuê tài chính**5.18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2016		Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/01/2016	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	22.972.136.217	22.972.136.217	273.006.233.652	336.494.659.747	87.461.762.012	87.461.762.012
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	254.661.046.474	254.661.046.474	862.701.545.192	662.076.487.660	226.036.881.132	226.036.891.132
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	12.735.662.412	12.735.662.412	67.687.588.605	61.288.482.781	16.427.016.479	16.307.676.671
Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh Hồ Chí Minh	3.756.709.244	3.756.709.244	9.787.642.300	28.626.295.171	32.213.662.126	22.211.632.168
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn	-	-	291.230.150	291.230.150	-	-
Cộng: vay dài hạn đến hạn trả	4.214.000.000	4.214.000.000	4.214.000.000	509.400.100	509.400.100	509.400.100
	298.742.756.337	298.742.756.337	1.057.677.040.217	1.120.976.615.808	362.044.351.328	362.044.331.607

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) nhằm bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số khoản phải thu công như hàng hóa trong kho in giá 2.000.000 USD (xem thuyết minh 5.2 và 5.5).

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh và Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này không áp dụng hạn chế đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm)

5.18.2 Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	31/12/2016		Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/01/2016	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	V
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - C.N TP HCM	45.269.135.228	45.269.135.228	52.429.635.228	3.140.500.000	-	-
Ngân hàng Fust Commercial - C.N TP Hồ Chí Minh	-	-	-	-	508.400.100	358.400
Trở vay dài hạn đến hạn trả	(4.214.000.000)	(4.214.000.000)	-	4.214.000.000	(508.400.100)	(358.400)
	41.055.135.228	41.055.135.228	52.429.635.228	3.374.500.000	-	-

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam bao gồm 2 khoản vay như sau:

Tại Công ty mẹ: Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 007/KHDN2/16CD ngày 02 tháng 02 năm 2016 nhằm mục đích Mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Blue Exchange tại Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh (nay là Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh). Khoản vay này được đảm bảo bằng cầm cố bổ sung quyền góp vốn của Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn trong Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh theo hợp đồng thế chấp phần vốn góp số 0012/NHNT-TC ngày 02 tháng 02 năm 2016.

Tại Công ty Sài Gòn Xanh: Khoản vay dài hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh có hạn mức tín dụng là 42.521.000.000 đồng với thời hạn cho vay 64 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay để thực hiện dự án nhà máy may công nghiệp Sài Gòn Xanh - giai đoạn 2 tại địa chỉ số 15 B/B2 Cụm Công Nghiệp Hà Lam - Chợ Đước, xã Bình Phước, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- Quyền sử dụng đất còn lại tại địa chỉ số 15 B/B2 Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Đước, xã Bình Phước, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.
- Tài sản gắn liền trên đất là nhà xưởng cũ còn lại.
- Tài sản gắn liền trên đất là nhà xưởng và thiết bị mới hình thành trong tương lai.

5.19 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	(Trình bày lại) VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.683.681	171.544.196
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.683.681)	(171.544.196)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 (Trình bày lại) VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.451.187.432	3.452.528.630
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(2.683.681)	(171.544.196)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.448.503.751	3.280.984.434

5.20 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tại ngày 01/01	16.365.482.976	15.537.084.249
Số quỹ được trích lập	13.535.196.165	7.720.745.970
Số quỹ đã sử dụng	(7.105.646.605)	(6.892.347.243)
Tại ngày 31/12	22.795.032.536	16.365.482.976

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng năm 2015.

*Điện thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***5. 21 Vốn chủ sở hữu ("CSHH")****5.21.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Cơ phiếu phổ		Chứng khoán		Quy định		Lợi nhuận chưa		Lợi ích cổ đông		Tổng cộng
	Thông tin chi tiết	Thặng dư vốn	Chứng khoán	Giá trị đối	Quy định	Lợi nhuận chưa	không kiểm soát				
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu 01/01/2015	116.303.300.000	9.138.322.370	1863.138.888	78.827.213	48.070.226.933	10.632.431.000	42.532.721.459	19.844.412.992	247.137.102.800		
Trình bày lại theo hướng từ 200	-	-	-	-	10.632.431.000	(10.632.431.000)	-	-	-		
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	53.457.806.533	11.174.040.000	11.174.040.000		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(3.326.275.807)	80.129.430.720	80.129.430.720		
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	7.703.019.054	-	(14.972.800.039)	(7.179.880.980)	(7.179.880.980)		
Trích bổ sung cổ tức của cả	-	-	-	-	-	-	(13.287.250)	-	(13.287.250)		
nhận chưa đến nhận	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2014	-	-	-	-	-	-	(19.457.373.690)	-	(19.457.373.690)		
Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2015	-	-	-	-	-	-	(17.491.806.000)	-	(17.491.806.000)		
Hoàn trả ngân sách theo Quyết	-	-	-	-	(10.632.431.000)	-	9.779.606.000	-	(16.808.340.000)		
định số 12/2015-CT-XP ngày	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
13/01/2015 của UBND TP HCM	-	-	-	-	-	-	(3.018.473.288)	-	(3.018.473.288)		
Chi thu lao HĐQT và BKS 2015	-	-	-	-	-	-	(1.233.200.000)	-	(1.233.200.000)		
Chiết khấu tỷ giá so chuyển đổi	-	-	-	(40.000.812)	-	-	-	-	(40.000.812)		
báo cáo tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
Số dư cuối 31/12/2015	116.901.300.000	9.138.322.370	(863.138.888)	37.827.601	56.963.345.987	-	46.152.179.723	27.490.176.795	254.721.913.746		
(0/01/01/2015)											
Tăng vốn trong năm	38.652.900.000	10.179.020.000	-	-	-	-	(50.998.028.647)	-	57.829.520.000		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.988.657.002	-	(24.163.116.698)	-	80.988.028.647		
Phân phối các quỹ (%)	-	-	-	-	-	-	(14.048.822.219)	(27.450.176.795)	(42.140.000.000)		
Lũ mua lại phần vốn góp trong	-	-	-	-	-	-	(17.461.805.000)	-	(17.461.805.000)		
dòng ty vốn (%)	-	-	-	-	-	-	(37.461.805.000)	-	(17.461.805.000)		
Chi số lực đợt 2 năm 2014	-	-	-	-	-	-	(7.177.117.171)	-	(7.177.117.171)		
Chi số lực đợt 1 năm 2015	-	-	-	-	-	-	(2.638.640.000)	-	(2.638.640.000)		
Chi khen thưởng HĐQT, BKS và	-	-	-	-	-	-	(182.648.000)	-	(182.648.000)		
Cán bộ chủ chốt năm 2015	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
Chi khen thưởng HĐQT, BKS và	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
Cán bộ chủ chốt năm 2016 (%)	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
Chi thu lao HĐQT và BKS 2016	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
Chiết khấu tỷ giá phải trả	-	-	-	(579.763.336)	-	-	-	-	(579.763.336)		
Số dư đầu 31/12/2014	155.656.300.000	28.514.942.370	(863.138.888)	(537.935.735)	67.859.801.989	-	28.182.853.186	-	278.512.724.224		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính kèm theo đính kèm

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Vào ngày 13 tháng 01 năm 2016, công ty Me đã hoàn tất thủ tục đầu tư vào công ty con để đạt 100% tỷ lệ lợi ích năm giờ, phần chênh lệch giữa giá phi khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm đã được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

(**) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ-16 ngày 27/04/2016 trong kỳ Tập đoàn đã thực hiện trích lập các quỹ theo quy định (xem Thuyết minh 5.21.4)

5.21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2016			01/01/2016		
	Số CP sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số CP sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông trong nước trong đó:	13.326.882	133.268.620.000	85,67	11.841.070	116.410.700.000	69,53
+ Cổ đông Nhà nước	-	-	-	1.173.239	11.732.890.000	10,03
+ Cổ đông khác	13.326.882	133.268.620.000	85,67	10.667.831	104.677.810.000	69,55
- Cổ đông nước ngoài	2.179.498	21.794.880.000	14,01	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	49.260	492.600.000	0,32	49.260	492.600.000	0,42
Cộng	15.555.620	155.556.200.000	100	11.690.330	116.903.300.000	100

5.21.3 Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.555.620	11.690.330
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.555.620	11.690.330
Cổ phiếu phổ thông	15.555.620	11.690.330
Số lượng cổ phiếu được mua lại	49.260	49.260
Cổ phiếu phổ thông	49.260	49.260
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.506.360	11.641.070
Cổ phiếu phổ thông	15.506.360	11.641.070

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

5.21.4 Các tác đã chi và phân phối lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Trả cổ tức năm trước	17.461.605.000	17.460.660.900
Trả cổ tức năm nay	17.461.605.000	17.461.605.000
	34.923.210.000	34.922.265.900

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 27/04/2016 như sau:

	VND
Khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Cán bộ chủ chốt năm 2015	717.713.171
Chi khen thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát và Cán bộ chủ chốt năm 2016	2.538.840.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016	962.648.000
Chi 15% cổ tức đợt 2 năm 2015	17.461.605.000
Chi 10% cổ tức đợt 1 năm 2016	17.461.605.000
Đã trích quỹ đầu tư phát triển	10.996.657.002
Đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.166.550.696
	63.305.531.869

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5.21.5 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh được xác định như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	
Vốn điều lệ của công ty con (Sài Gòn Xanh)	86.000.000.000	86.000.000.000
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho công ty mẹ	86.000.000.000	43.860.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	42.140.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	100%	49%

Vào ngày 13 tháng 01 năm 2016, Công ty mẹ đã đạt tỷ lệ sở hữu 100% trong Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh sau khi hoàn tất thủ tục mua toàn bộ phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Blue Exchange.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016 như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	
Tổng tài sản	-	88.788.684.915
Tổng nợ phải trả	-	(32.648.355.712)
Tài sản thuần		56.140.229.203
Chi tiết như sau:		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	
Vốn điều lệ	-	86.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	-	37.827.601
Lợi nhuận chưa phân phối	-	(29.897.598.398)
	-	56.140.229.203
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	31/12/2016	01/01/2016
	VND	
Chi tiết như sau:		
Vốn điều lệ	-	42.140.000.000
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	-	(14.649.623.218)
	-	27.490.176.785

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	
Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ của Sài Gòn Xanh	-	(6.792.399.607)
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông không kiểm soát	-	(3.328.275.807)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Tài sản nhận giữ hộ**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	2.435.217.000

Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
	Ngoại tệ	Ngoại tệ
Đô la Mỹ (USD)	4.435.311,07	2.067.410,14
Euro (EUR)	3.140,45	3.207,81

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Doanh thu thuần**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	1.578.875.609.102	1.372.502.869.010
Doanh thu bán hàng nội địa	39.110.223.742	130.718.271.889
Doanh thu cung cấp dịch vụ	825.751.396	836.689.077
	1.618.811.584.240	1.504.057.829.976
Các khoản giảm trừ		
Giảm giá hàng bán	(7.432.874.808)	(1.986.631.785)
Hàng bán bị trả lại	-	(5.922.000)
Doanh thu thuần	1.611.378.709.632	1.502.065.276.211

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Con Đường Xanh Quảng Nam	3.725.547.475	33.909.090.333
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	25.546.175.294	65.381.794.034
Công ty TNHH May mặc Cây Dừa	1.848.817.590	14.996.198.690
	31.120.540.359	114.287.083.062

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	1.336.254.164.067	1.249.640.731.501

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm***6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	63.831.883	260.913.058
Lãi từ hoạt động liên kết với Bệnh viện Đại học Y dược	-	7.373.749.090
Cổ tức được chia	155.384.000	195.385.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.228.899.336	13.457.801.461
Doanh thu lãi chính khác	233.772.183	274.989.259
	9.721.987.402	21.562.847.866

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	9.270.890.113	8.324.188.878
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.575.207.413	17.800.499.870
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.495.289.395	655.885.382
Dự phòng/ (Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh	266.255.800	(540.892.400)
	18.607.441.721	24.039.661.530

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.827.017.548	2.262.138.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.915.730.728	32.547.587.739
Chi phí khác	737.046.560	848.954.423
	46.979.794.836	35.648.681.130

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	100.393.778.939	99.637.482.128
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.496.703.205	3.822.419.107
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.477.056.279	8.645.393.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.825.877.893	11.048.356.894
Chi phí bằng tiền khác	10.006.022.106	13.427.919.506
	148.299.438.422	136.581.571.152

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	163.294.758	531.452.273
Thu nhập khác	4.604.035.468	3.918.663.989
	4.767.330.226	4.450.116.262

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	75.695.735.429	82.158.350.451
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Dộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.097.320.039	3.406.230.649
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(13.243.780.374)	(833.013.839)
Thu nhập chịu thuế	63.549.275.094	84.831.567.260
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	11.777.366.503	18.517.150.844
Giảm trừ thuế (50%)	(5.16.162.472)	(233.882.010)
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.261.203.031	18.283.488.834
Khoản điều chỉnh	-	2.464.346.457
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.261.203.031	18.747.835.291
Trong đó:		
Công ty Mẹ	10.745.040.560	18.514.173.261
Công ty TNHH May Tân Mỹ	516.162.471	233.662.010

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2016 VND	Năm 2015 (Trình bày lại) VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	3.451.187.432	3.452.528.630
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.683.681)	(171.544.186)
	3.448.503.751	3.280.984.434

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sẽ hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty Mẹ	60.986.026.647	63.457.805.533
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	13.166.550.698
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	60.986.026.647	59.291.246.837
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.852.288	11.941.070
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.146	4.320

Tập đoàn không có cổ phiếu suy giảm tạm lắng vào ngày kết thúc năm tài chính.

Lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của công ty Mẹ được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tuy nhiên, tại ngày phát hành báo cáo này, việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được thông qua Đại hội cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Vào ngày 12 tháng 12 năm 2016, Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM đã có thông báo về việc niêm yết và giao dịch cổ phiếu thay đổi niêm yết của Tập đoàn như sau:

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Ngày giao dịch bổ sung
Số lượng cổ phiếu được tự do chuyển nhượng	3.786.432	20/12/2016
Số lượng cổ phiếu chào bán tiếp cho nhà đầu tư xác định do chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh của đợt chào bán bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán (từ ngày 11/11/2016 đến hết ngày 10/11/2017)	78.858	11/11/2017
Tổng cộng	3.865.290	

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2016	Năm 2015 (Trình bày lại)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.641.070	11.641.070
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	211.218	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.852.288	11.641.070

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	932.034.174.808	839.305.354.664
Chi phí nhân công	500.575.029.469	491.215.270.394
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.531.725.950	19.671.339.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	289.641.136.574	235.733.651.675
Chi phí khác	25.923.787.075	30.166.764.573
	1.770.706.853.877	1.616.092.380.527

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong kỳ không bao gồm số tiền 2.269.092.951 đồng giá trị mua sắm trong kỳ nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng giảm các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

B. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính mục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

L. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các lượng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các lượng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến đến, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích ảnh hưởng của biến động trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các lượng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD) và Euro (EUR). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là VND, USD, và EUR.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có các khoản tài sản nợ phải trả liên hệ miễn thuế như sau:

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.438.311,07	1.140,99
Phải thu khách hàng	6.973.301,95	-
Phải trả người bán	2.518.997,95	-
Người mua trả tiền trước	293.093,13	-
Trả trước cho người bán	406.858,57	-
Vay	12.888.367,88	-
Đã cọc	1.120,00	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chiều năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đầy đủ để hiểu.

ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một đồng vụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và phải trả cho các bên liên quan.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bỏ đi nhằm sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này, và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể với một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bằng căn đối kê toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 3.7. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
VND			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Các khoản vay	298.742.756.337	45.055.135.228	343.797.891.565
Phải trả người bán - đối tượng khác	86.242.978.237	-	86.242.978.237
Phải trả người bán - bên liên quan	3.509.042.327	-	3.509.042.327
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	20.796.625.860	-	20.796.625.860
	411.291.402.561	45.055.135.228	456.346.537.789
Ngày 01 tháng 01 năm 2016			
Các khoản vay	362.044.331.826	-	362.044.331.826
Phải trả người bán - đối tượng khác	87.584.881.270	-	87.584.881.270
Phải trả người bán - bên liên quan	6.383.544.964	-	6.383.544.964
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	4.282.983.246	-	4.282.983.246
	460.298.741.434	-	460.298.741.434

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng bác cạn các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đã cầm cố nhân nợ phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định của mình vào các khoản vay (xem thuyết minh số 5.2, 5.5, 5.6).

Tập đoàn không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

iv. Giá trị hợp lý**(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Bảng sau đây thể hiện tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tập đoàn

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng – lẻ chức và cá nhân khác	158.344.880.985	131.941.097.251	158.344.880.985	131.941.097.251
Phải thu khách hàng – Bên liên quan	50.673.096.038	107.213.307.747	50.673.096.038	107.213.307.747
Phải thu khác – lẻ chức và cá nhân khác	5.673.463.054	3.469.936.830	5.673.463.054	3.469.936.830
Phải thu khác – bên liên quan	–	42.140.000.000	–	42.140.000.000
Đầu tư dài hạn	17.314.320.000	17.314.330.000	17.302.502.000	14.168.757.800
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.277.219.852	51.751.890.849	104.277.219.852	51.751.890.849
	372.288.089.969	352.860.561.677	366.676.261.969	350.714.989.377
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	343.797.897.895	352.044.321.920	343.797.897.895	352.044.321.920
Phải trả người bán – lẻ chức và cá nhân khác	58.242.978.237	57.554.881.270	58.242.978.237	57.554.881.270
Phải trả người bán – Bên liên quan	5.509.042.327	6.353.544.994	5.509.042.327	6.353.544.994
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	20.798.625.890	4.262.863.245	20.798.625.890	4.262.863.245
	428.348.537.789	460.215.741.434	428.348.537.789	460.215.741.434

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính được xác định dựa trên giá gốc trừ cho chi phí dự phòng đã trích lập mà không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với câu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham chiếu các khoản nợ phải trả tương tự không có quyền lựa chọn chuyển đổi. Đối với các khoản nợ thuế tài chính, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham khảo các hợp đồng thuê tương tự.

v. Phòng ngừa rủi ro

Tập đoàn không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Từ nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lương, thưởng	7.236.306.160	8.957.364.903

Trong năm, Tập đoàn có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Phí duy trì hệ tầng, xử lý nước thải, nước sinh hoạt	528.627.964	913.804.472
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	Mua hàng Bán hàng và cung cấp dịch vụ Hóa hồng đại lý Nhân vốn góp	1.880.840.130 25.033.218.874 612.966.419 -	14.240.664.907 85.381.794.034 - 11.174.040.000
Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam	Phí gia công, in, wash Bán hàng	133.809.244 3.726.547.475	999.449.166 33.809.090.333
Công ty TNHH May Mặc Cây Dừa	Phí gia công Bán hàng	- 7.849.817.590	177.490.000 14.896.196.693
Công ty TNHH MTV Con đường xanh	Phí gia công	120.292.000	-

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản phải thu/ phải trả với các bên có liên quan như sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	47.070.467.766	52.144.115.501
Công ty TNHH MTV Con Đường Xanh Quảng Nam	24.076.110.356	36.573.373.681
Công ty TNHH May mặc cây dừa	15.529.517.914	16.495.818.685
	86.676.096.036	105.213.307.747
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	-	42.140.000.000
	-	42.140.000.000
Trả trước cho người bán		
Công ty cổ phần Phú Mỹ	2.037.626.437	2.037.626.437
	2.037.626.437	2.037.626.437
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	3.878.088.072	4.341.000.000
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	-	514.647.000
Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam	1.246.584.250	1.099.394.082
Công ty TNHH Trà Tân	79.226.400	103.361.207
Công ty TNHH MTV Con đường xanh	109.903.705	109.903.705
Công ty TNHH May Mặc Cây Dừa	195.238.000	-
	6.509.042.397	6.168.305.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

9.2. Thông tin bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm trong ngành may mặc và chủ yếu là xuất khẩu (hơn 90%). Công ty không liên hành lập báo cáo tài chính bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh) theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Công ty con của Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh được thành lập tại Hoa Kỳ) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

9.3. Thông tin khác

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất chi tiết như sau:

Năm 2016	Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn VND	Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh VND	Công ty TNHH May Tân Mỹ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Cộng (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.553.501.400.345	150.188.732.687	143.642.328.157	270.974.151.437	1.614.378.709.692
Giá vốn hàng bán	1.355.281.207.453	102.558.049.902	115.789.111.991	267.713.193.289	1.330.254.169.067
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	198.219.402.882	49.630.682.665	22.653.676.190	3.121.156.148	273.124.341.595
Doanh thu hoạt động tài chính	20.239.836.460	43.481.187	183.952.457	10.745.263.757	31.212.037.402
Chi phí tài chính	34.724.058.258	234.499.514	47.060.130	15.398.219.181	39.607.441.721
Chi phí bán hàng	25.803.255.724	18.055.917.574	7.190.591.438		49.079.794.836
Chi phí quản lý doanh nghiệp	57.955.478.515	32.418.448.810	21.072.511.070	2.258.120.433	148.299.438.822
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	81.285.975.818	(1.762.731.546)	6.727.415.415	4.723.738.709	78.969.857.998

9.4. Các khoản cam kết chi tiêu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn ký hợp đồng cam kết mua nguyên vật liệu với bên thứ ba với trị giá là 5.680.643.202 đồng.

9.5. Số liệu so sánh

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (lập theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Trình bày lại số liệu năm trước

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

	Số liệu đã phát hành VND	Trình bày lại VND	Thay đổi thuần VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	171.544.196		(171.544.196)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.083.142.898	8.547.489.355	2.464.346.457
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	2.878.010.841	2.878.010.841
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	50.666.081.217	45.152.179.723	(5.513.901.494)

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

	Số liệu đã phát hành VND	Trình bày lại VND	Thay đổi thuần VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.283.488.834	18.747.835.291	2.464.346.457
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	231.429.397	3.280.984.434	3.048.555.037
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	65.643.432.220	60.129.530.726	(5.513.901.494)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	68.971.708.027	63.457.806.533	(5.513.901.494)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.196	4.320	(1.876)

9.6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất (ngày 31 tháng 12 năm 2016) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



TRẦN THỊ THU TRÂM
Người lập biểu

NGUYỄN MINH HẰNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN AN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NGÀY 04 THÁNG 04 NĂM 2017



GARMEX
Saigon js
HoSE: **GMC**

CÔNG TY CỔ PHẦN SX TM MAY SÀI GÒN

SAIGON GARMENT MANUFACTURING TRADING COMPANY LIMITED

252 Nguyễn Văn Lương, Phường 12, Quận Cầu Kè, TP. HCM

website: www.garmex.com.vn

Tel: 848 3984 4822 to 4823 to 4824 - Fax: 848 3984 4825



GARMEX
Saigon *js*
HoSE: **GMC**

